

TAI 978.29/361 v.1

CHINESE-JAPANESE LIBRARY
HARVARD-YENCHING INSTITUTE
AT HARVARD UNIVERSITY

JUN 29 1949

Hók Ĭng Sū Gě Sū Dǐ.

Blakeslee Lessons

Gospel History

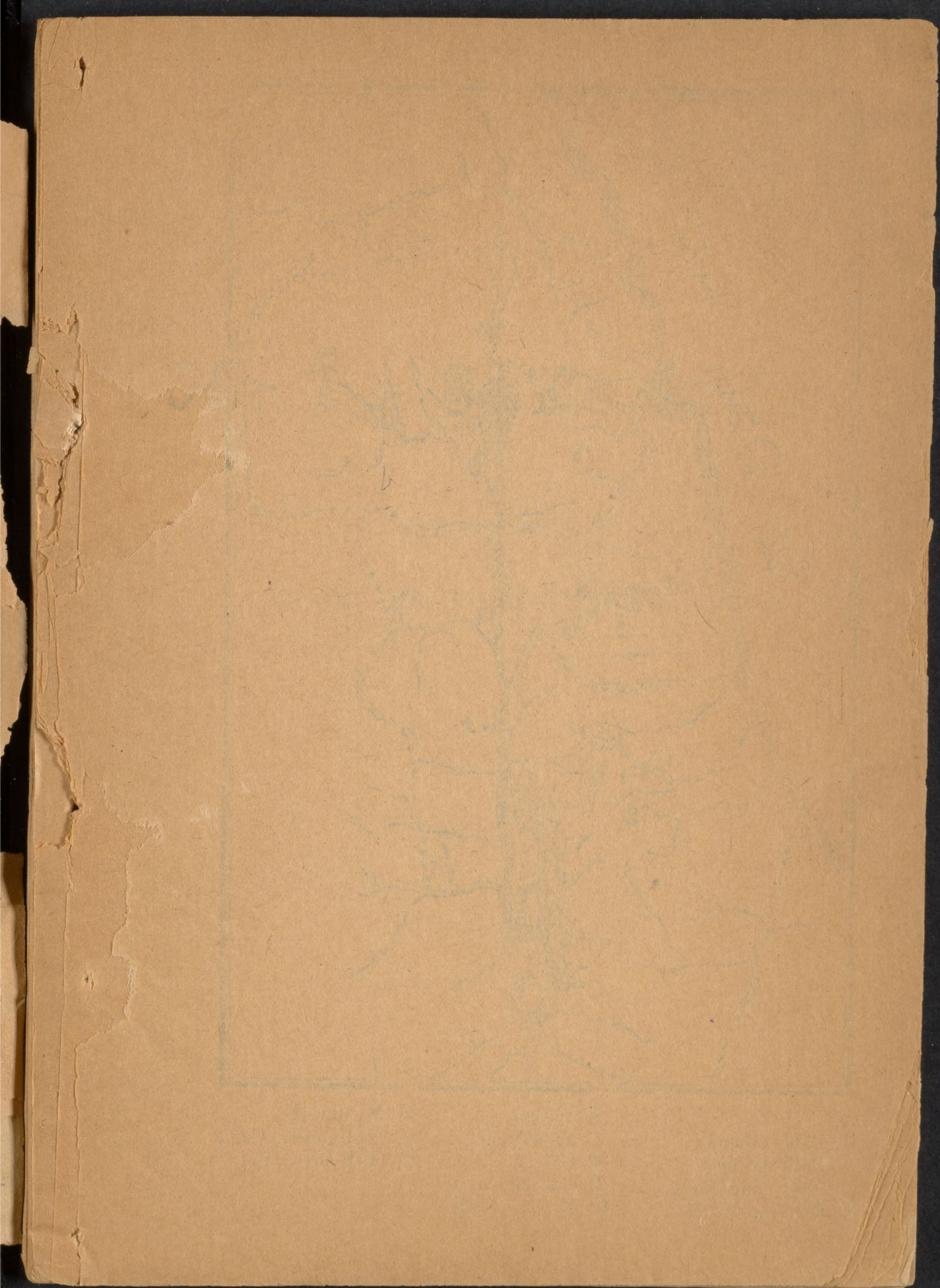
TA1978.29
361 v.1

GUÓNG ÉK, I KUÓ-IX KUÓ.

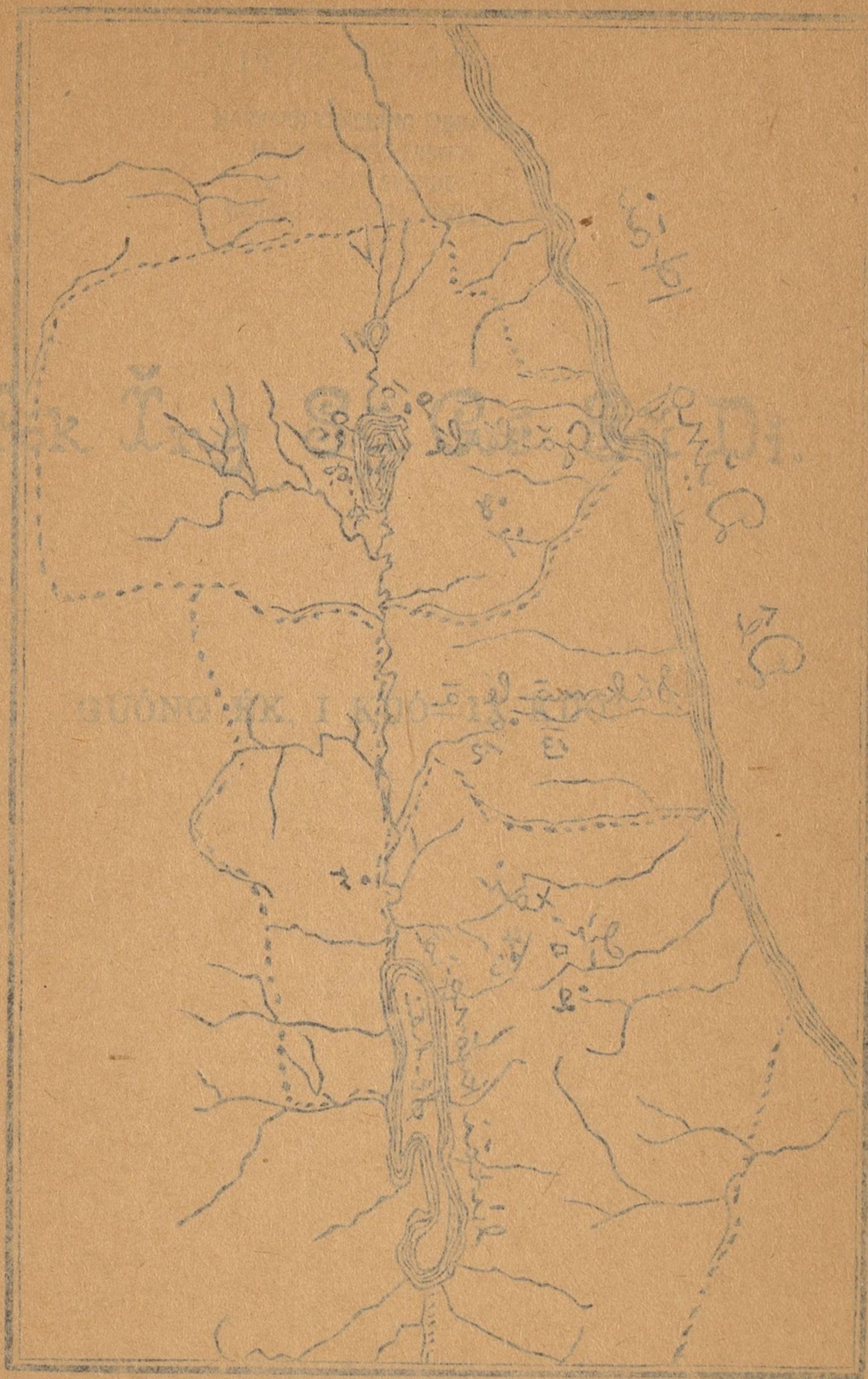
Vol. I Lessons I-IX.

TA 1978.29/36 v. 1

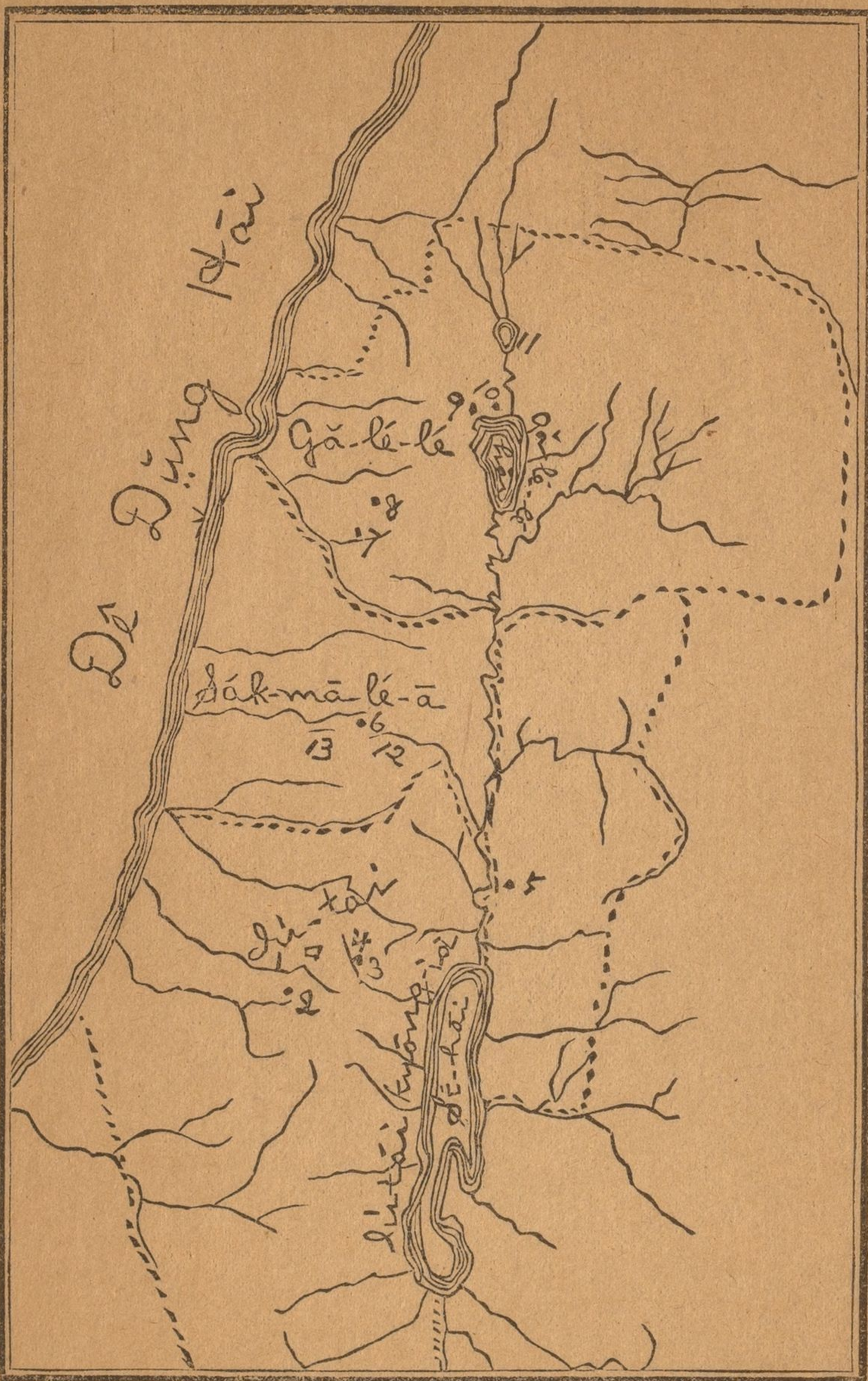
HARVARD-YENCHING LIBRARY
HARVARD UNIVERSITY
2 DIVINITY AVENUE
CAMBRIDGE, MASS. 02138







- | | | |
|-------------------|--------|-------|
| 11 Ml-ling E | 6 ២០១ | 1 ២០១ |
| 12 Ng-guk f' Gang | 7 ២០២ | 2 ២០២ |
| 13 G-l-sang Sang | 8 ២០៣ | 3 ២០៣ |
| | 9 ២០៤ | 4 ២០៤ |
| | 10 ២០៥ | 5 ២០៥ |



- | | | |
|-------------------|-------------------|----------------------|
| 1 Ià-lô-sák-lêng. | 6 Sêu-gă. | 11 Mī-lùng Û. |
| 2 Báik-lé-hèng. | 7 Nā-sák-lëk. | 12 Ngā-gáuk gì Cāng. |
| 3 Báik-dâi-nà. | 8 Giă-nā. | 13 Gì-lī-sing Săng. |
| 4 Gāng-lāng Săng. | 9 Giă-báik-nùng. | |
| 5 Báik-dâi-bă-lá. | 10 Báik-suói-dâi. | |

TA1978.29/3b v.1

HARVARD-YENCHING LIBRARY
HARVARD UNIVERSITY
2 DIVINITY AVENUE
CAMBRIDGE, MASS. 02127

Hók Ĭng Sū Gě Sŭ Dǐ.

GUÓNG ÉK, I KUÓ—IX KUÓ.



HÓK-ING SŪ-GÉ SŪ-DĪ

Dạ I Cháh—Dạ III Cháh.

Dạ I Kuó—Dạ IX Kuó.

Cêng gāng-siâ Dŭng Nguôi gŭi-ôi gì nệng, bōng-câe huǎng-
Ik ciā cũ siàng cộ Lọ-mā-cê gì cũ, liềng dạ ciềng, gŭi gō.
Chiék uông ciā cũ ậ bōng-câe Dŭng-guók sềng Ciō gì nệng
gáing mềng-bẻk Ciō Ià-Sŭ Gỉ-Dók ék sềng gì dái.

Hâ Êng-mi.



Hók-ciũ Siàng Nội Lọ-mā-cê Cŭ-guồh Uǎk Bềng.
Ciō 1902. Guồng-sệu 28 Niềng.

THE GOSPEL HISTORY OF JESUS CHRIST.

This book is the Foochow Romanized Colloquial of the first in a series of four in the intermediate grade of "The Bible Study Union Lessons", (formerly called the Blakeslee Graded Lessons), published by the Bible Study Publishing Co., 21 Bromfield St., Boston, Mass., U. S. A. It corresponds in most respects with the Mandarin translation printed at the Presbyterian Mission Press, Shanghai.

FIRST BOOK: The Life of Christ up to the close of the Early Judean Ministry. Part I—III, 9 Lessons.

SECOND BOOK: The Galilean Ministry (completing the first half year of the lessons) Parts IV—VI: 15 Lessons.

THIRD BOOK: The Perean Ministry, Part VII: 10 Lessons.

FOURTH BOOK: Passion Week, and the Forty Days. Parts VIII, IX: 14 Lessons. Total 48 Lessons.

GENERAL TERMS.

Cháh.....Part	Gǐng Dà-měk.....Golden Text.
Cūng Dà.....Part Title.	Ció-gāi.....Note.
Kuó gí Dà-měk, Lesson Title.	Hô-liōh Děk-iéu (Hldi.), Appendix.
Dâung.....Topic Title.	Siēu-īng.....Introduction.
Kuó-gāi.....Lesson Talk.	Ũng-sĭk.....Review.
Siā Ēng gí Muóng.....	Written-answer Questions.

With grateful acknowledgement of the help given by several, both Foreigners and Chinese, in various ways, with the Romanization, proof reading and financially, this book is sent out with the earnest hope that it may help the Chinese Christians to a better knowledge of the Life of our Savior Jesus Christ.

Emily S. Hartwell.

Printed and for sale by
The Romanized Press, Foochow City,
Rev. L. P. Peet, Supt.,
A. B. C. F. M.

1902.

HOK ING SU-GE SU-DI.

DẬ ÉK CHÁH.

Lâung Ià-Sũ Săng-sěk-huói Nội Sũ Cộ Gì Dâi: cệu Ià-Sũ gáung-sẻng gì nỉk-cī kī, gáu siẻ-sạ-lặ Iók-hâng chók siẻ sạ-lặ sị-hậu gì nỉk-cī cī.

Dậ I Kuó. Siêu-ing. Lâung Cộ Gậng Gẻu-Sẻ-Ciỏ.

Dậ II Kuó. Lâung Dộ Siàng Cộ Nẻng.

Dậ III Kuó. Ià-Sũ Cộ Niẻ-giăng, Cộ Hậu-sẻng Gì Sị-hậu.

DẬ NỀ CHÁH.

Lâung Ià-Sũ Kỉ-tậu Chók Kộ Diòng-dộ.

Dậ IV Kuó. Lâung Siẻ-Sạ-lặ Iók-hâng Sẻ Cộ Ià-Sũ Kủ-Diỏ Gì Nẻng.

Dậ V Kuó. Lâung Ià-Sũ Kỉ-tậu Diòng Hók-ing.

Dậ VI Kuó. Lâung Kỉ-tậu Sẻng Ià-Sũ.

DẬ SẶNG CHÁH.

Lâung Ià-Sũ Tậu Siỏh-huói Diỏh Iù-tái Diòng Hók-ing.
(Hiả sị-hậu sẻ cệu Ià-lỏ-sẻk-lẻng cẻng-nẻng mẻng-sẻng diòng-dộ kī, đỉk-tậu gáu huói-diòng-tậu Gả-lẻ-lẻ cī; cẻu sẻ cệu Ừ-uỏk-cáik Ciỏ i-hậu 27 niẻng 4 nguỏk 11 nỉk kī, gáu 27 niẻng 12 nguỏk cī.)

Dậ VII Kuó. Lâung Ià-Sũ Kỉ-chiủ Diỏh Ià-lỏ-sẻk-lẻng Diòng Hók-ing.

Dậ VIII Kuó. Lâung Ià-Sũ Diỏh Iù-tái Gậng Sẻk-mả-lẻ-ả Sẻng.

Dậ IX Kuó. Ừng Sỉk. Siêu-ing. Ệu-bẻ Ià-Sũ Gáung-sẻng. Kỉ-tậu Diòng Hók-ing.

I. DẠ-MỆK. Huáng ọh gáuk cháh cūng dạ, liềng gáuk kuó sū lāung gi dạ-mệk, dũ sê ciông Iá-Sũ sū cộ gáuk dēng gi dái, tiều chók tau siōh-cềng lái-lĩk. Huáng tẹk ciā kuó gi nệng dẻk-dẻk sềng ciông gáuk cháh cūng dạ liềng gáuk kuó sū lāung dạ-mệk gẻ sụk sê iẻu-gĩng. Gáuk kuó diẻ-sẻẻ bô ô buồng dāung gi dạ-mệk, cẻu sê ciông gáuk kuó gi dạ-mệk buồng kủi, sái tẹk gi nệng siōh káng cẻu mĩng-bẻk, ậ hiẻu-dẻk ĩ dặng-gặng gi chẻu-sẻu. Gáuk dāung gi dạ-mệk iả diồh gẻ sụk sê iẻu-gĩng.

II. GĨNG DẠ-MỆK. Gáuk kuó gi gĩng dạ-mệk cẻu sê ciông gáuk kuó gi gáu-hóng gềng chók, sái tẹk ciā kuó gi nệng mĩng-bẻk ĩ dặng-gặng gi gáu-hóng. Ciā gĩng dạ-mệk bô dẻk-diồh buồi sụk sê iẻu-gĩng.

III. TẸK SÉNG-GĨNG. Gáuk kuó sū cái Sẻng-gĩng ciông ciẻk cẻu sê ciông Hók-ĩng dặng-gặng iẻu-gĩng gi dái-gẻẻ gềng chók, bĩng ciā dái kầu lả cộ siōh-lỏi, cộ ciā kuó dặng-gặng gi cūng-mỏ, gỏ-chủ ọh gi nệng ng tẻng ng tẹk, hẻk sê diồh ĩ chiỏ-diẻ muồi buỏ gi-dỏ si-haiu, bĩng chẻu-sẻu tẹk.

IV. KUÓ-GĀI. Ọh gả-sẻk gáuk kuó, cẻu sê ciông gáuk kuó dặng-gặng gi duai-ẻ, dũ sê lāung Iá-Sũ sū cộ gi dái, cộ siōh-dạ dỏi gi lāung tau muồi ậ hẻk siōh-dỏi. Iẻu-gĩng hẻk-sẻng, diồh bặng si-haiu, duai-sẻng tẹk cẻu ậ huồi-nguồ ciā ẻ-sẻu.

V. ỪNG SỈK GỈ MUÓNG. Gáuk kuó dặng-gặng iẻu-gĩng gi muóng, gi-dặng dạ ẻk iẻu-gĩng gi, cẻu sê ciông ciông-dạ duai-ẻ liềng siàng siōh-chióng, iả diồh ciông sẻng kuó gi dái gặng haiu kuó gi dái ô guặng-buặng gi. Ciā dẻu-muóng sê sái ọh gi nệng hiẻu-dẻk sẻng haiu sū lāung gi sê siōh-iông gi dạ.

VI. ỆỤ-BÊ SIĀ-ÉNG GI MUÓNG. Sĭng-sǎng gá hők-sĕng diõh sĕng cĕ-gǎ ệụ-bê tiõ-dǎung, ĩ-hǎiu ậ đéung gá bĕk-nĕng. Ciā siā-éng gi muóng đók-diõh sǎ-nê ệụ-bê, diõh bǎng lǎ gōng siók kũ-gā, ciáh ậ mĭng-bĕk. Muõi nĭk sũ-ậ gǎi-dōng kĕk si-hǎiu ệụ-bê, sĕng ciōng gáuk dǎung gi muóng cĕ-gǎ siõh-dĕu siõh-dĕu éng chók lĭ, siā diõh cǎi lǎ. Siōng bǎng si-hǎiu cĕu-iōng cĕ-gǎ ậ mĭng-bĕk, hők-sĕng ô dǎng hiā si-hǎiu cĕu ậ gũi ciáng, hǎiu ô diōng si-hǎiu ậ tiĕu chók ĩ đũng-gǎng iĕu-gĭng gi lĭ, gǎeng hők-sĕng biĕng-lǎung, ciōng-uǎng ô iáh lợ hők-sĕng.

VII. GÁ GI HUỖNG-HUAK. Gá Sĕng-gĭng ô siõh-iōng dǎi đék-diõh liu-sĭng, cĕu sĕ diõh ciōng Sĕng-gĭng iĕu-gĭng gi dǎi, liĕng gǎeng độ-lĭ ô sōng guǎng gi tiĕu chók, sǎi tĕk gi nĕng hők-sĭk gáu sǎ-mĭ gi dǎi, gǎeng độ-lĭ mọ sōng guǎng gi ng sǎi gōng-gĕu, giǎng ô kǎng-kĭng gōng-buōng, kǎng-dǎeng mĭ-muǎk gi dǎng. Bô diõh ciōng muõi kuó Sĕng-gĭng đũng-gǎng lūng-cūng é-sĕu buōng kũ gǎ-siók, liĕng ĩ đũng-gǎng kō-ngĭ ôi-chĕu gǎi-dōng cǎ mĭng. Gǎ-siók Sĕng-gĭng dǎi ék giǎng cĕu sĕ buōng-kuó sũ gǎi-dōng gǎ-siók gi uā muõi gōng, gǎ siõh-dĕk-giǎng pǎng gi uā, gǎeng buōng-kuó sũ lǎung gi mọ-dǎng-dōng tǎu muõi sōng-hǎk, chiōng niǎh-hũng niǎh-ōng siõh-iōng gi pǎng-dǎng, đưai ô guǎng-ngái lợ sĭk gi độ-lĭ. Gáu siōng-ôi si-hǎiu, iĕu-gĭng ciōng sũ puái cộ gi dǎi cǎi cǎ-kō siõh-lǎu, ng tĕng sũi-biĕng muōng kō. Gáu gáuk kuó đĕi-sĕ gáuk dǎung gi muóng diõh sǎ-nê hũng-nó hők-sĕng muõi-huõi siā éng diõh cǎi siōng-sĕ, hǎiu ậ gǎeng đũng-bǎng gi hők-sĕng bĭ-piǎng, ĩ-dé cĕng-giĕng đĕi siõh-ciáh sĕ hō.

VIII. GIỮ NGIÊ-LĪ. Buōng-kuó kĭ-tǎu cĕu sĕ lǎung Iá-Sũ siõh-sĕ-nĕng sũ cộ gi dǎi. Sĕng bĭng siõh-

dâung siôh-dâung tiêu chók; nâ hók-sêng tĕk ciā dâi
gì iáh sê ồh ĩ diē-siē sū bī-êu gì độ-lĩ, ng tĕng
chiông siáh guōi-cī bô mậ hiêu-dĕk đĕng-nĕ li, ĩ-dé
ồh ciā kuó gì nĕng, dù tĕk ciā dâi ĩ-nguôi, gáing
găi-dông liu-sing, kĕk ciā độ-lĩ cộ buông-sing gì muó-
iông, bōng-câe cê-gă cộ hō-nĕng.

IX. SIĀ-ÉNG GÌ MUÓNG. Gáuk kuó gì muóng
hók-sêng iéu-ging diôh ciông đĕu-éng siā diôh cê-buô
siông-siē, ĩ-dé hók-sêng sĕng êu-bê siôh-buông cê-buô
siôh-bā iông-bĕk, sĕng ciông gáuk éng siā buô-buô
lā, đing sing-săng gūi hō cái châu lōh cī siôh-buông
gì cũ, ĩ-dé êu-bê hâu-lái cǎ-kō. ĩ-hâu sing-săng sū-
â ciông gáuk hók-sêng gì éng sá-nê bī-piâng, hĕk-sê
gó ô dâng tiêu chók kĕuk cĕung-nĕng tiăng, sâi ĩ
ậ huôi-é, ĩng-nguông ciông sū ô gì muóng cái muóng
siôh-lâu sâi hók-sêng mĭng-bĕk duai chĭng-chū.

DẬ ÉK CHÁH.

Lâung Ià-Sũ Lōh Săng-sĕk-huói Nôi Sū Cộ Gì Dâi: cĕu Ià-
Sũ gáung-sĕng gì nĭk-cī kī, gáu siē-să-lă Iók-hâng chók siē
să-lă gì nĭk-cī cī.

DẬ I KUÓ. Siêu-ĭng. Lâung Cộ Găeng Gĕu-Siē-Ciō.

I. CIÓ GĀI. Buông kuó sê giéu nù-gáuk-nĕng êu-bê tĕk
(1) Ià-Sũ diôh siē-găng sū hĕng gì dâi; (2) ciông ĩ-sĕng gì
siĕng-dĩ sū lâung Ià-Sũ gáung-sĕng gì dâi; cái lâung siôh-lâu,
(3) siē-găng gì sū-gé đĕng-găng sū lâung gì ô siē-nộh bĭng-
gĕu sê êu-bê Ià-Sũ gáung-sĕng gì dâi, bô (4) ciông sé-buông
Hók-ĭng gì duai-é dâi-liôk sŭk mĭng, cĕu ậ mĭng-bĕk Ià-Sũ
gì lăi-lĭk. Ậ-dă sū muóng gì muóng nâ lōh Sĕng-ging lă tō,
hĕk ù Hô-liôk-dĕk-iéu lă kộ tō, ciéu bĭng chĕu-sĕu éng chók.

GĪNG DẠ-MĚK. Gáu nĭk-gĭ muāng, Siông-Dạ chặ-kiēng Ī Giāng iù siêu-nệng-giāng sǎng-chók-sié, hŭk diŏh lŭk-huák, ọi sŭk huòi hŭk lŭk-huák gĭ nệng, sǎi nguāi-gáuk-nệng chĭng có giāng. (Gl. 4: 4, 5.)

Séng-gĭng, lŏh bǎng lǎ tĕk. (Sp. 72: ciòng.)

Séng-gĭng Nĭk-kuó.

Bái-ék. Sp. 19: ciòng.

Bái-sé. Sd. 7: 1—21.

Bái-nê. Cs. 2: 1—17.

Bái-ngô. Sd. 7: 22—37.

Bái-sǎng. Cs. 3: 1—15.

Bái-lĕk. 2S. 7: 8—29.

Lǎ-bái-nĭk. Isa. 11 ciòng.

KUÓ-GĀI. Lāung ệu-bê Iá-Sŭ gáung-sĕng.

Dŏng muôi ô sié-gǎng ĩ-sĕng tiēng-dê-gǎng dŭ sê ũ-áng, Siông-Dạ gó-chŭ sǎi áng biēng có guŏng, ĩ-dé nŭ-gáuk-nệng hiēng-cái ô cĭ muāng ĩng-iêu gĭ sié-gǎng.

Chiāng tĕk Cháung-sié-gé dậ ék ciòng cêu hiêu-dék Siông-Dạ ciòng-iông cháung-cộ sié-gǎng liēng cĭ sậ nộh. Tĕk dậ nê ciòng, cêu hiêu-dék Siông-Dạ ciòng-iông ǎng-dóng sŭ-cŭ lŏh siŏh-ciáh lŏk-huŏng lǎ, kĕk gáuk-nộh kĕuk ĩ sǎi-ệung, sǎi ĩ-gáuk-nệng ậ dáik kuái-lŏk. Kŏ-sék hǎiu-lái cĭ lǎng-ciáh nệng ng bĭng Siông-Dạ gĭ mēng-lēng, ộh-ciòng-uāng cội ciáh diē sié-gǎng. Chŭi-iòng ciòng-uāng, Siông-Dạ gó lǎ tiáng sié-gǎng nệng, sĭk-cái gáu kộ cé-gĭk gĭ ội-chĕu, cêu sê sǎi ĩ dŭk-sĕng gĭ Giāng Iá-Sŭ gáung-sié, tá nệng ệu-bê siŏh-iông huŏng-huák, sǎi sié-gǎng nệng gĭ cội dŭ ậ siá kộ, bô ậ gǎeng ĩ Cê-Gǎ sŏng-chĭng. Nǎ Siông-Dạ muôi cêu sǎi Iá-Sŭ gáung-sĕng, ĩ buŏh sǎi sié-gǎng sĕng tá cĭ siŏh-iông gĭ dái ệu-bê.

Guó gūi-chiēng niēng dŭng-gǎng, Siōng-Dá éng-hŭ Gáu-Ciō Iá-Sŭ gáung-sēng. Lâung Iá-Sŭ gáung-sēng hŭ siōh-guók sê cái cā ĩ-gĭng sēng diāng gi. Siōng-Dá siōng-siōng ô gáu-dô guāng-sók hŭ siōh-guók, ĩng-ôi buóh sái hŭ siōh-guók gi báh-sáng hiēu-dék Iá-Sŭ buóh gáung-sēng lōh sié-gǎng. Chŭi-iōng Siōng-Dá chĭng ĩ-gáuk-nēng có Cê-Gǎ gēng-sōng gi báh-sáng, nâ ĩ-gáuk-nēng ĩng-nguòng gó lă huāng-côi mậ gé dék Ciō gi ǒng. ĩ-gáuk-nēng ĩng-ôi huāng-côi iâ sêu cī sậ hĭng-huāk, lĕu-chĕu kĕuk ciā siu-dĭk cǎng-hâi, gáu éng-hŭ gi Mī-Suói-Ā gáung-sēng gi nĭk-cī buóh gáu gi si-hâiu, ciā báh-sáng dū-dū sê sŭk diōh Lọ-mā guók guāng-dê. Nâ ciā báh-sáng chŭi-iōng sŭk diōh Lọ-mā guók guāng-dê, sĭng-diē bô cēng kọ hiēng Lọ-mā guók, iók-liők kĭng séng Mī-Suói-Ā gáung-sié si-hâiu dék-dék ạ có ĩ gi uòng, ạ dái-liāng ĩ-gáuk-nēng iàng guó siu-dĭk.

Nŭ iők-sŭ sậ-nê kọ tĕk ciā buōng-kuó, cêu ạ hiēu-dék Siōng-Dá ĩng-ôi miéh-nộh iōng-gó sái Lọ-mā guók guāng-dê lù-tái nēng, cêu sê ệu-bê ĩ tiēng-guók gi độ-lĭ tŭng-hēng lōh sié-gǎng, bók-cī sê ọi gáu lù-tái gi nēng, iâ sê ọi gáu huāng tiāng ĩ gi nēng.

Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Buōng kuó gì cũ sê miàng miéh-nộh? Éng. Miàng lọ Hók-ĭng sŭ-gé sŭ-dĩ.
2. Buōng kuó sŭ lâung duái-é sê sié-nộh? Éng. Buōng kuó

sū lāung sê êu-bê tẻk Géu-Ciō diõh sié-gǎng sū hẻng gì dái, liẻng sié-gǎng ciõng-iông êu-bê Ĩ gáung-sẻng gì guõng-gẻng.

3. Buõng kuó gẻng-dạ-mẻk sê sié-nộ?

4. Sẻng-gẻng dẻng-gǎng sū lāung ô sié-nộ iẻu-gẻng gì é-sẻu? Éng. Sẻng-gẻng sū lāung iẻu-gẻng gì é-sẻu cẻu sê ỏi nù-gáuk-nẻng ậ hiẻu-dẻk nù-gáuk-nẻng gì Géu-Ciō Iả-Sủ Gẻ-Dỏk, cẻu sê Ĩ ậ cẻng-gẻu sié-gǎng gì nẻng. (Giẻng Hỏ-liỏk dẻk-iẻu dạ ék).

DẬ I DẬUNG. Cội-Áuk Gì Nguỏng-Iủ.

(Giẻng Hỏ-liỏk-dẻk-iẻu dạ-ẻk, dạ nẻ.)

2 CIÓ-GĀI. Lẻh bẻng dẻng-gǎng buỏi-củ si-hảiu, sẻng-sẻngẻng-dỏng liủ-sẻng tiẻng hỏk-sẻng sū dẻk-ẻng gì muỏng, gỏ diỏh giẻu ĩ-gáuk-nẻng lẻh sủ-ả si-hảiu, ciõng ciả gáuk muỏng gì dẻk-ẻng sẻk-sẻk cẻi-cẻi dủ siả chỏk lẻ.

5. Siỏng-Dạ sū cháung-cộ gì sié-gǎng buỏng-lẻi sẻng-mẻh-sẻk? (Cs. 1: 31. Hỏ-liỏk-dẻk-iẻu dạ nẻ.)

6. Cội ẻng sié-nộ dái ậ gẻu sié-gǎng? (Cs. 3: 1—6.)

7. Cội gì giẻk-guỏk sẻng-mẻh-sẻk? Éng, (Isa. 59: 2. Lm. 2: 5—9.)

DẬ II DẬUNG. Éng-hủ Siỏh-ciảh Géu-Ciō Gẻung-sẻ.

3 CIÓ-GĀI. Siỏng-Dạ ôẻng-hủ cẻng sậ huỏi, gỏng siỏh-ciảh Géu-Sẻ-Ciō gẻi-dỏng lẻ. Ciảẻng-hủ dủ sê gẻ lẻh Gỏ-iỏk lả, cẻu Cháung-sẻ-gẻ gẻu Mả-lẻk-gẻ gẻuk-chẻu, nủ-nẻng nả ậ chẻu chỏk gủi-iỏng.

8. Lâung Gáu-Ciō gáung-sěng Siông-Dá tau siōh-iông éng-hū sê sié-nộ? (Cs. 3: 15.)

4 CIÓ-GĀI. Gōng páh siōng lâu-siè gì tau, cêu sê ciā cũ-niòng-nệng gì hâu-iô dẻk-dẻk ậ iàng guó Sák-dáng. Sẻk-dáng sẻng iū-hẻk Hả-uả, hâu Ciō Iả-Sủ Gỉ-Dỏk iàng guó Sák-dáng.

9. Siông-Dá gēng-sōng diē-nệng có cī-sậ báh-sáng gì cũ-cũng, hâu-lài ô Gáu-Ciō iù Ĩ ciẻ-puái lậ gáung-sẻng. (Cs. 12: 1—3.)

10. Lâung gáu Mĩ-Suói-Ả gáung-sẻng, cī siōh-iông gì dái Mỏ-sả ô sié-nộ éng-hū gì uả? (Sm. 18: 17—19).

11. Lâung gáu Ĩ gì guók bô ô miẻh-nộ éng-hū? (Sp 72: 8, 17; 89: 3, 4; Isa. 9: 7.)

12. Lâung gáu Gáu-Ciō sủ có gì gẻng-hủ ô miẻh-nộ ệu-ngiòng? (Isa. 53: 3—6.)

DẬ III DẬUNG. Ệu-bê Gáu-Ciō Gáung-sẻng.

(Giẻng Hỏ-liẻk-dẻk-iẻu dậ sé dậ lẻk)

Ả cẻk gì muóng củng diẻh lộ Hỏ-liẻk-dẻk-iẻu dặng-gảng

tō diōh dák-éng, nâ sĭng-sǎng iâ diōh lêng-nguôi tō chók dêu-muóng kō-muóng hōk-sĕng.

13. Dōng gū-cā sĭ-hâiu ê-bǎng-ĭng bái sǎng-miéh-sék gì ngēu-chiông? (Sp. 115: 4—7. Hô-liōh 4.)

14. Siông-Dá gáu-dộ Ī-sáik-liĕk gì báh-sáng ô sié-nộh é-sĕu còng diōh dŭng-gǎng? Ciā dâi ciōng-iông siàng-cĕu? (Hô-liōh 4.)

15. Siông-Dá ệung diē siōh guók gì uâ tŭng-hèng gáu-k-guók sâi Hók-ĭng ậ diòng piéng gáu-k-chĕu? (Hô-liōh 5.)

16. Ī lộh ô gáu-huá gì guók dŭng-gǎng ô lĭk sié-nộh guók-céng, ĩ-dé báh-sáng ciáh ậ dáik bō-hô gáu gáu-k-chĕu iòng-diòng ciā Hók-ĭng? (Hô-liōh 6.)

DẬ IV DẬUNG. Ià-Sũ Cāi-sié Gì Nĭk-cĭ. (Hô-liōh 7—9.)

17. Dōng Ià-Sũ gáung-sĕng gì sĭ-hâiu, ô diē sǎng guók gì guòng-báng dĭng duâi, lièng ô sié-nộh miàng-siǎng? (Hô-liōh 7.)

18. Iù-tái nệng uông sǎng-miéh-sék gì Mĭ-suói-ā gáung-sĕng lộh sié-gǎng, bô ĭng-ôi sié-nộh iòng-gó uông Ī gáung-sĕng? (Hô-liōh 8.)

19. Ià-Sũ cái-sié gì sì-hâu Iù-tái neng gì guồng-gīng sǎng-miéh-sék? (Hô-liǒh. 8.)

20. Iù-tái-guók ĭng sié-nóh ậ sáung dék hǎk-ngì diòng Hók-ĭng gì dê-huồng? (Hô-liǒh 9.)

21. Lǒh buōng-kuó dǔng-gǎng ciōng-iōng gǎ mìnng Siōng-Dá ĭng-dộ báh-sáng?

5 CIÓ-GĀI. Sé-buōng Hók-ĭng. Diǒh Hó-liǒh-děk-iéu dậ sěk gáu sěk-sé diē-sié, ciōng sé-buōng Hók-ĭng dǔng-gǎng gì cìng-hìng lièng gǎng cēng ô-mê gì dái biēu-mìnng chók lì. Ồh gì neng diǒh sá-sǎng kộ tặk. Sǎng-sǎng iả diǒh iù cī-diē gēng chók dèu-muóng lì kộ-muóng hǒk-sěng.

DẬ II KUÓ. Lâung Dộ Siàng Cộ Neng.

Mt. 1, cìng Lg. 1: 26—38; 2: 1—20; 3: 23—38; Ih. 1: 1—18.

6 CIÓ-GĀI. Nù-gáuk-neng iù buōng-kuó kī-chiū tặk lâung Géu-Ciō, cêu ậ hiēu-dék Ĩ buōng-lài dêu lǒh tiēng-dòng, ĩ-hâu siàng cộ neng, chók-sié diǒh mả-bùng lậ. Nù-gáuk-neng tặk gáu Géu-Ciō gáu-hóng gì uả, lièng Ĩ sū cộ gì-děk gì dái, gǎi-dǒng gáik-nguôi siēu-sǎng, cêu hiēu-dék Ĩ sǎng-niǒh-kuāng kộ-lèng, tiàng ciả sié-gǎng.

GĪNG-DẠ-MĚK. Nguòng-sū ô Dộ, Dộ gâeng Siông-Dạ cà diõh lậ, Dộ cêu sê Siông-Dạ.....Ciā Dộ siàng lậ neng gữ-cêu nguāi-neng dững-găng, (nguāi-neng ô káng-gieng ĩ gì ìng-iêu, cing sê Tieng-Hô đũk-seng Cũ gì ìng-iêu), ĩ ô ớng-hiê gâeng cing-lĩ chững-muāng. (Ih. 1: 1, 14.)

Séng-gĩng, lợh bắng lậ tặk. (Ih. 1: 1—18.)

Séng-Gĩng Nĩk-Kuó.

Bái-ék. Ih. 1: 1—18.

Bái-ngô. Lg. 1: 39—56.

Bái-nê. Cs. 1: 1—25.

Bái-lặk. { Mt. 1: 18—25;
 { Isa. 9: 1—7

Bái-sắng. Gls. 1: 9—23.

Bái-sê. Lg. 1: 26—38.

Lậ-bái-nĩk. Lg. 2: 1—20.

KUÓ-GĀI. Lâung Sié-gắng Gì Guống. Diõh nguāi sắ-bieng káng-muống méng-seng. (Cuoi sê cộ cũ gì neng gì kêu-é), ô siõh cộ geng sắng. Gáu buắng-buổ si-hâu ciā guống kẹuk ciā sắng ciả kộ, nậ nguāi lợh cầ-kĩ-tầu sắ-nê kộ káng, cêu gieng-gắek geng-geng cieng-hũng hữ-dội ô siõh siàng gì guống hieng chók, cuoi cêu sê ming-ming sắi nguāi hiêu-dék ô siõh ciảh duái nĩk-tầu diõh đeng-sié ceng huong gì ôi-chếu. ĩ gì guống seng hieng chók lợh sắng-ding, gì-ừ gì dề-huống ìng-nguòng sê áng. Nậ nĩk-tầu muống chók muống geng, ĩ gì guống cêu muống duái, hiả áng iả muống bieng muống huá kộ, mộ niõh-ong muāng sắng đử bieng guống.

Ciā sié-gắng lũng-cũng kẹuk ciả cội buổh-sók, iả sê chiong diõh ử-áng dững-gắng siõh-iông. Nậ Siông-Dạ ô sắi guống li sié-gắng, buổh đử hiả ử-áng, sắi sié-gắng gáuk-chếu đử ô ĩ gì ìng-guống. Ciā guống cêu sê ĩ đũk-seng gì Giang sié-gắng cầ sắ nộh sê iừ ĩ cháung-cộ gì. Iừ-tái neng siong-siong ải-uong ciả neng

gáung-sēng. Ī-gáuk-nèng siōng ciā neng li sié-gāng buóh có siōh-ciáh ô guóng-báng gi uóng, cêu â iàng guó sié-gāng cī sạ siù-dīk. Nâ ĩ-gáuk-nèng gó lā mậ hiêu-dék cội cêu sê ĩ gi duái siù-dīk, ciā Gêu-Sié-Ciō gáung-sēng cêu sê buóh iàng guó ĩ-gáuk-nèng sīng-diē gi cội, cuoi sê dậ ék iéu-gīng gi, iâ sê Siông-Dá buōng-lái gi cī-é.

Siông-Dá gi Giāng gáung-sēng ng sê buóh có uóng, ẹung guóng-báng guāng-dê neng, sê buóh ẹung ing-ái guāng-lī neng. Sié-gāng huóng-dạ-dāing gi huá-lạ gó mộ niáh tiēng-guók gi ing-iêu, nâ Ī kīng táuk sīng gáung-sié lợh lủ-tái guók Bái-k-lé-hèng gi mả-búng lả, bóng diōh mả-sỏ hữ-diē.

Mộ lảung gữ lợh sié-nộh gīng, Ī sê Siông-Dá gi Giāng. Cẹung tiēng-sẻu cáng-mī Ī, gỏi-bái Ī. Ī gáung-sēng si-hâu, cẹung tiēng-gửng cēng huāng-hī, ô Ciō gi ing-guống lợh Bái-k-lé-hèng kuōng-iā dê-huống, mảng-buỏ si-hâu kuáng-ciéu Ī. Iōng-ióng gi neng tiāng-giēng ĩ chióng-gỏ gi siāng-ing, cêu gōng “Cái siông ing-iêu gửi diōh Siông-Dá, cái hả huỏ-bing neng sêu ỡng-diēng.”

Siông-Dá gi Giāng Iả-Sủ Gỉ-Dók ợh ciōng-uāng gáung-sēng siāng lả neng, dêu diōh nú-neng dặng-gāng. Ī kī-sēng nâ hiēng chók siōh-dék-giāng gi guống. Ciā siōh-dék-giāng gi guống nâ diōh mả-búng hữ-diē huák-hiēng; nâ hâu-lái ciā guống muōng huák muōng duái, dīk-táu gáu kộ chặng-muāng sié-gāng. Nú-gáuk-nèng gải-dỡng iủ ciā guống gáu Siông-Dá

méng-sèng dáik diōh Siông-Dá gi bing-ăng.

Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Ià-Sū siōh sié nèng gì dâi gēung-cūng ô buóng gūi cháh?
2. Dậ ék cháh sū lāung sê sié-nộh? 3. Lāung gáu Géu-Ciō gáung-sèng Siông-Dá tâu siōh-iông éng-hū sê sié-nộh? 4. Siông-Dá gēng-sōng diē nèng có uâng mìnng gì hô, hâu-lài iù ĩ hâu-iô lậ ô Géu-Ciō gáung-sèng? 5. Ēu-ngiòng sié-nộh hiông-chōng có Géu-Ciō gáung-sèng gì ôi-chéu? 6. Ciông-iông gáu-dô ĩ-sáik-liěk nèng gég-bái Siông-Dá, iù ciông-uâng ciáh ậ hiêu-dék ciék-dâi ĩ gì Ái-Cū? 7. Siông-Dá ciông-iông Ēu-bê siōh guók gì ùng-cê sâi Hók-ĭng ciáh ậ piêng-diòng lợh puō-tiêng-â? 8. Siông-Dá bô ciông-iông Ēu-bê siōh guók biêng ô guòng-báng ậ guāng gáuk-guók, ĩ-dé Hók-ĭng ciáh ậ diòng gáu gáuk-chéu? 9. Géu-Ciō diōh sié-găng sî-hâu gó ô sié-nộh guók sáung sê chók-miàng? 10. Iù-tái nèng ải-uông săng-miэх-sék gì Mĭ-Suói-Ā gáung-sèng? 11. Buông-kuó lāung sié-nộh? 12. Sié-nộh Gĭng-dạ-mẻk?

I DĀUNG. Iók-hâng Hók-ĭng Gì Siêu-ĭng. (Ih. 1: 1—18.)

7 CIÓ-GĀI. Iók-hâng 1: 1—18, ậ sáung sê buông cũ gì siêu-ĭng. Iók-hâng siā ciā cũ gì iòng-gó cêu sê ỏi hiêng-mìnng Ià-Sū sê Siông-Dá gì Giăng, sâi huàng sèng ĩ gì nèng, ciā ĩ gì miàng, ậ dáik ĭng-sèng. (Ih. 20: 31.)

1. Iók-hâng chĭng Siông-Dá sié-nộh miàng? (Ih. 1: 1.)

2. Iók-hâng lāung ĩ săng-iông sié-nộh dâi? (Ih. 1: 1—3.)

8 CIÓ-GĀI. Dộ sê Siông-Dá. Cĭ siōh guó é-séu sê gōng, Siông-Dá sū cháung-cộ gì nộh dủ sê hiêng-mìnng Siông-Dá gì tậ-séng cài-nèng. (Ih. 1: 3.) Ià-Sū iâ sê hiêng-mìnng Siông-Dá. (Ih. 1: 14—18.)

3. Iók-hâng bô chĭng ĩ sié-nộh miàng? (Ih. 1: 9.)

4. Ciā Dộ siàng lả sié-nộh? (Ih. 1: 14.)

9 CIÓ-GĀI. Siàng nẹng, sê gōng, Ī siàng có nẹng liềng ô nẹng gì séng. (Hbl. 2: 14—17.)

5. Ī-hâu bô chǐng Ī sié-nộh miàng? (Ih. 1: 14, 15, 29, 30.)

6. Ciā miàng sê sié-nộh é-séu? (Mt. 1: 21.)

7. Ī biêu-mìng diê-nẹng? (Ih. 1: 18.)

II DĀUNG. Ià-Sũ Cũk-puō. (Mt. 1: 1—17; Lg. 3: 23—38.)

III DĀUNG. Ià-Sũ Cộ Niê-giăng. (Mt. 1: 18—25; Lg. 1: 26—38.)

8. Géu-Ciō iù diê siôh ciě-puái gáung-sẻng? (Mt. 1: 1; Lg. 3: 38.)

10 CIÓ-GĀI. Cũk-puō dửng-gǎng ô mậ dùng gì ôi-chếu ô huồng-huák kũi-gā. Mā-tái sũ siā sê kếu Iù-tái nẹng tẻk, Lô-gǎ sũ siā sê kếu bẻk guók nẹng tẻk. (Giếng Hô-liỏh 11, 13, liông dẫung.)

9. Diê-nẹng gậng Mā-lé-ā gōng Ià-Sũ buỏh gáung-sẻng? (Lg. 1: 26, 31.)

10. Ciā bộ-sẻng gì nẹng gōng Ià-Sũ sảng-miẻh-sẻk? (Lg. 1: 32, 33.)

11. Mā-lé-ā ciōng-iông dák-éng? (Lg. 1: 38.)

IV DÂUNG. Géu-Ciō Ià-Sū Gĩ-Dók Gáung-sěng. (Lg. 2: 1—20.)

12. Ià-Sū diōh diē ôi-chéu gáung-sěng? (Mt. 2: 1.)

13. ĭng-ôi sié-nóh iông-gó ĩ sǎng lǒh hũ-uái, ng sǎng lǒh ĩ nòng-nā chió-diē, Nā-sák-lěk dē-huông? (Lg. 2: 1—7.)

11 CIÓ-GĀI. Ià-Sū mò chók sié lǒh Nā-sák-lěk, hěk-chiā sê ĭng-ôi bọ miàng siông cháh gì iông-gó. Ciā sì-hâu sê Ā-gū-sēu-dók Huông-dá sòi ôi, bọ cháh dék diōh nǎk-suói. Ciéu Iù-tái neng gì giě-gū, gáuk-neng cūng diōh gũ gáuk-neng gì ciě-puái lā bọ miàng. Iók-sáik sê sũk Dái-bĩk ciě-puái Bái-k-lé-heng neng, Mā-lé-ā hěk-chiā iā sê sũk diōh hiā ciě-puái.

14. Cuoi sê éng-nghieng sié-nóh ệu-nghiòng? (Mg. 5: 2.)

15. Diē-neng dậ ék sěng tiǎng-gieng Géu-Ciō gáung-sěng, ciōng-iông hiēu-dék ciā dái? (Lg. 2: 8—20.) Chiāng ciōng ciā dái chíi sũk siōh-pieng.

Gáu-hóng Cūng Muóng.

16. Ià-Sū lēng-nguoi ô sié-nóh miàng-cê hieng-ming ĩ sê gǎng bàng-siòng gì neng mò gáuk-iông? (Ih. 3: 13.)

17. Ī bô ô sié-nóh miàng-cê hiēng-mìng Ī sê sŭk diōh Sìng-ling? (Ih. 20: 31.)

18. Dǒng muôi ô sié-gǎng ĩ-sèng Ī sê gǎeng diē-nèng siōh-dôi dêu, liēng dêu diōh sié-nóh ôi-chéu? (Ih. 1: 1; 17: 5, 24.)

19. Géu-Ciō ĩng-ôi miéh-nóh iòng-gó liē kó tiēng-dòng, lǒh ì sié-gǎng? (Lg. 19: 10; Ih. 3: 16.) Ī ọi géu nù-gáuk-nèng liē kó sié-nóh? (Mt. 1: 21.)

20. Ī buóh sèu sié-nóh kéuk huàng ciék-dài Ī gì nèng? (Ih. 1: 12.) Diōh sǎng-miéh-sék ciék-dài Ī?

Séng-Iók Gì Muóng.

1. Séng-Gǐng gèung-cūng buōng có gūi duài-buô?

2. Dậ nê buô hū-diē gèung-cūng ô niōh-uài buōng? Chiāng nǎng ciā cũ gì miàng.

3. Chiāng ciéu chéu-sèu nǎng tàu sé buōng.

4. Cī sé buōng gì cũ hǎk siōh dôi giéu có sié-nóh miàng?

5. Sū lǎung gì sê sié-nóh?

6. Diē siōh buōng sǎung sê dậ ék dòng?

7. Diê siōh buōng sáung sê dậ ék dôi? Chiāng só gáu
buōng éng niōh-uài hiěk, iâ bà dôi lậ kī gáu dòng lậ cī.

DẬ III KUÓ.

Lâung Ià-Sũ Cộ Niê-giāng Liêng Cộ Hâu-sǎng Gì Sì-hâu.
Lg. 2: 20—52; Mt. 2, cìong.

12 CIÓ-GĀI. Buōng kuó sê lâung Ià-Sũ iù cộ niê-giāng
gáu sǎng-sěk huói sū cộ gì dái. Nâ Ī sǎng-sěk-huói nội sū
cộ gì dái neng mộ-dǎng-dǒng dũ hiêu-dék chĩng-chũ. Ī chũ-
iòng sê Siông-Dậ gì Giāng, iâ sê gǎng sié-gǎng neng dũ
siōh-iòng. Hěk diōh chió-diē hěk diōh cũ-cǎ tẹk-cũ, hěk cộ
gǎng, sêu hũ sậ gǎng-nàng, sêu hũ sậ gì ché-liêng, Ī dũ mộ
huāng-cộ, Ī lậ sié-gǎng cêu sê ọi dǒng sié-gǎng neng gì kũ,
gó-chũ Ī ậ tậ-táik neng gì nộ-iők, bǒng-cậ neng gì kuók-
huāk.

GĨNG-DẬ-MỆK. Ciā Niê-Giāng ciêng-ciêng diōng-duài, cĩng-
lĩk giòng-cáung, muāng sǎng dé-hiê: Siông-Dậ gì ǒng sì-siòng
siể lợh Ī lậ. (Lg. 2: 40.)

Séng-gĩng lợh bǎng lậ tẹk. Lg. 2: 40—52.

Séng-Gĩng Nĩk-Kuó.

Bái-ék. Lg. 2: 22—39.

Bái-sé. Lg. 2: 40—52.

Bái-nê. Mt. 2: 1—12.

Bái-ngô. Hbl. 2: 10—18.

Bái-sǎng. Mt. 2: 13—23.

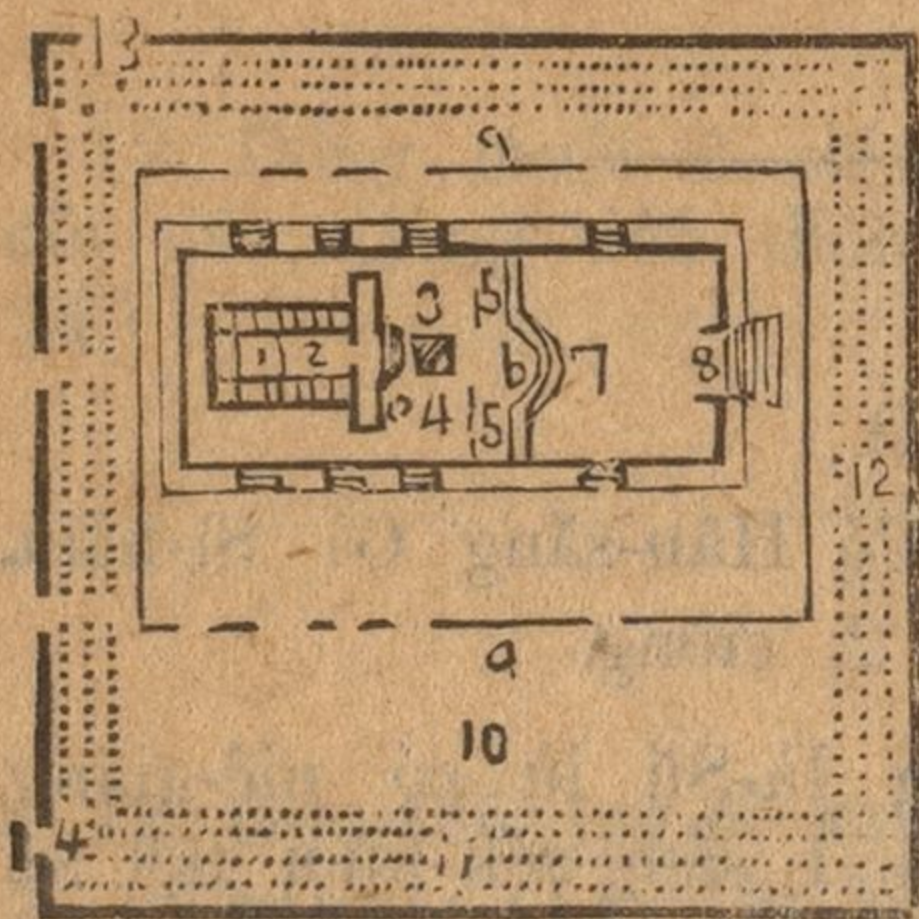
Bái-lẹk. Hbl. 4: 14—5: 10.

Lậ-bái-nĩk Hbl. 12: 1—13.

KUÓ-GĀI. Lâung Ià-Sũ Sǎng-sěk-huói Nội Sū Cộ
Gì Dái.

Ià-Sũ chók-sié hâu sé-sěk-nê nĩk, Ī bà-nậ cêu dái
Ī gáu Ià-lô-sák-lēng séng dǎng, hióng siông bǎh-gák-
giāng lạng tầu. Ciā hióng-cié gì lậ nâ sê hẻng lợh Nậ-
giã-nậ muòng gì giễ-cộ (cêu sê dủ lậ 5 cê gì ôi-chếu) iâ

sê diōh duāi cié-dàng sêng-dāu, (cêu sê dù lā 3 cê gi ôi-chéu) dōng diē ciā huá-lâ sêng dāing gi si-hāiu, Ĩ bâ-nā bô



dáik lā sīng gi mēk-sê, ô siōh-ciáh ô dáik-hāing gi lâu neng miàng lā Să-miêng, sêng dáik Siông-Dá Sêng-Sing gāng-dōng, â hiêu-dék ciā Niê-Giāng sīk sê Gĩ-Dók. Gó ô siōh-ciáh nū siēng-dī miàng Ā-nā. Ĩ sê gēng-giēng gi neng, ĩ nīk-màng

hông-sêu Siông-Dá, hū siōh-si iā gāng-siā Siông-Dá, ĩng Ĩ sêu Géu-Sié-Ciō gáung-sēng.

Mộ-niōh-ông ô gūi-ciáh báuk-sêu cêu dēng-huōng li Iá-lô-sák-lēng muōng gōng, “Ô lā sǎng chók sié có Iú-tái neng gi uōng, Ĩ diōh dēng-nē nī? ĩng nguāi-neng ô káng-giēng Ĩ gi sīng, gó-chū li bái Ĩ.” Iá-lô-sák-lēng gi neng tiāng-giēng cêu duāi giāng, nâ mậ hiêu-dék ciōng-iōng éng ĩ; cêu chă-kiēng báuk-sêu kộ Báik-lé-hēng, cêu sê ciōng cāi-cā êu-ngiōng Gĩ-Dók buōh gáung-sēng gi ôi-chéu. Báuk-sêu kēuk ciā sīng ĩng-dộ đĩk-táu gáu tộ diōh ciā Niê-Giāng, báuk-sêu cēng kộ huǎng-hī, cêu kộ bái Ĩ, liēng ciōng lā-ũk hiōng siōng. Ngái-áuk gi uōng, Hī-lũk, báik-

Sēng Dù Gā-siók.

1. Cé-séng-sū. 2. Sēng-sū. 3. Duāi Cié-dàng. 4. Cié-sī-sū. 5. Ĩ-sáik-liēk neng sū. 6. Nà-giǎ-nā muōng. 7. Nū-ìng sū. 8. Mī-muōng. 9. Gēng-cī sū, Ê-bǎng-ìng mậ giàng dék diē. 10. ĩ-bǎng-ìng sū. 11. Huōng-dá hùi-lòng. 12. Sū-lộ-muōng hùi-lòng. 13. Āng-lők-nà páu-dài gi muōng. 14. Diē Sùng-sǎng gi giò.

diòng ciā dâi, cêu buóh tái ciā Niê-Giāng, nâ Siông-Dá ô dā-huák Ī bâ-nā dái Ī cāu kọ Aĩ-gĩk, đĩk-táu đĩng gáu Hĩ-lũk sī hâu ciáh đĩng li. Nā-sák-lẽk Gă-lé-lé siàng sêu-huống-hióng đũ sê sǎng. Ià-Sũ cêu sê dióh hũ-uái đĩng-duái. Ī đĩng có niê-giāng-gỗ si-hâu siông-siông gâeng bẻk-ciáh Iù-tái gi niê-giāng sióh-dỏi tẻk-cũ kách-diều, nâ Ī cũng sê tiǎng-chói, có nẻng ửng-huó, đũ mọ có sióh-dẻk-giāng dǎng gi dâi. Ī sê ọh mủk-chióng gi chiũ-ngiê, chiông bẻk-nẻng có gẻng đái k hủ-kêu gi gẻng-ciẻng sióh-iông. Ī lọh sǎng-sẻk-huói nọi sũ có gi dâi nẻng mọ-dǎng-dỏng hiêu-dẻk chĩng-chũ, nâ ậ hiêu-dẻk đỏng sẻk-nê huói si-hâu Ī ô siông Iả-lô-sák-lẻng sẻng dǎng hũ-diê, sọi lọh sẻng-sẻng đũng-gǎng muông tiǎng muông muóng cẻng kọ chũng-mỉng, cẻng-cẻng ng sê nẻng sũ ậ kǎng dẻk chók gi. Ī sê Siông-Dá gi Giāng iả sê nẻng gi Giāng. Ī dióh bâ-nā mẻng-sẻng cẻng tiǎng-chói, liẻng hiẻng chók hỏ gi iông-sẻk. Ī dẻ-hiê nĩk-nĩk gả-tiẻng, Siông-Dá gâeng nẻng đũ tiǎng Ī.

 Ừng-sĩk Gì Muóng.

1. Siông kuó sũ tẻk sê lảung diê-nẻng?
2. Iók-hǎng kẻk miẻh-nỏh gì-dẻk gì miàng chĩng Ī?
3. Muôi li siẻ-gǎng i-sẻng Ī gũ-cẻu dióh đẻng-nẻ?
4. Ī dióh hũ-uái có siẻ-nỏh dâi?
5. Ī sẻng dióh siẻ-nỏh ôi-chẻu?
6. Ī sê diê-nẻng gì Giāng?
7. Ī ỉng-ôi siẻ-nỏh dâi li siẻ-gǎng?
8. Huàng ciẻk-dâi Ī gi nẻng, Ī buóh kẻk siẻ-nỏh kẻuk ỉ?
9. Iả-Sũ sióh-siẻ nẻng gì dâi, dióh cĩ sả kuó đũng-gǎng gẻung-củng buóng có gũi cháh?
10. Tàu sióh cháh lảung siẻ-nỏh?
11. Siông-kuó ô siẻ-nỏh gẻng-dả-mẻk?
12. Buóng kuó lảung siẻ-nỏh? Buóng-kuó ô siẻ-nỏh gẻng-dả-mẻk?

I DĀUNG. Hióng Niê-giāng Kéuk Siông-Dá.

Lg. 2: 22—39.

1. ĭng-ôi sié-nóh dái dióh dái ciā Niê-Giāng, Ià-Sū, gáu séng dâing diē-sié? (Lg. 2: 22—24.)

13 CIÓ GĀI. Bìng Iù-tái gì lūk-liê, huàng diông-tàu gì giāng cūng dióh dái gáu Ciō méng-sèng hióng siông, gó dióh géng hióng lā-ūk, cêng gùng gì neng iā dióh hióng lāng tàu bāh-gák giāng.

2. Dióh séng dâing hū-diē ngêu dióh diē lāng-ciáh neng? (Lg. 2: 25—27, 36.)

3. Tàu sióh-ciáh neng có sié-nóh? ĭ sióh káng-gieng Ià-Sū cêu gōng sié-nóh uā? (Lg. 2: 28—32.)

II DĀUNG. Dêng-huǒng Báuk-sêu. Mt. 2: 1—12.

14 CIÓ-GĀI. Dêng-huǒng sê cī Giǎ-lěk-dī gâeng lîng-gêung gì guók.

4. Ciā sì-hâu ô diē-neng lì Ià-lô-sák-lêng sîng-tō Ià-Sū? (Mt. 2: 1—12.)

5. Dióh sié-nóh dê-huǒng, ciông-iông sîng-tō ĭ? ĭ gáuk-neng có sié-nóh dái? (Mt. 2: 3—12.) Sūk ciā sêu-liók.

15 CIÓ-GĀI. Iù Giǎ-lěk-dī gáu Ià-lô-sák-lêng bàng-siông

gì diô-géng cêu sê iù Séuk-lé-ā báek-biêng gì sǎ-mők lă giàng, iông-hâu bô hióng nàng, iù Dâi-mā-sáik gǐng-guó, gēung-cūng ô sǎng gā nguők nĭk gì diô.

III DĀUNG. Cāu Gáu Aĩ-gĭk Guók Liêng Diông Nā-sák-lĕk Sū. Gǐng-lĭk Gì Dê-huông. Mt. 2: 13—23.

6. Ià-Sũ dōng-sì ô ngēu diōh sié-nộh ngùi-hiêng? (Mt. 2: 13.)

7. Ĩ ciōng-iông tuák-liê ciā ngùi-hiêng? (Mt. 2: 14, 15.)

8. Ià-Sũ cêu Aĩ-gĭk diông lì dēu sié-nộh dê-huông? (Mt. 2: 23.)

16 CIÓ-GĀI. Giéng â dù sū cái cêu ậ tộ chók Ià-Sũ cêu Báik-lé-hèng gáu Aĩ-gĭk liêng diông Nā-sák-lĕk ék-chiék gì diô-tiàng. Iù Aĩ-gĭk diông lì gì diô-géng, cêu sê téng hāi-biêng kuàng ciā Gǎ-mĭk sǎng gì muôi lă giàng, hĕk sê téng Ià-lô-sák-lēng gāeng Ià-lé-gỗ cī lāng-siàng lă guó, sông Iók-dáng ộ dĕng-biêng gì nghiàng lă giàng. Huang diōh Gǎ-lé-lé liêng Iù-tái dŭng-gǎng iù-lĭk gì Iù-tái nệng, siōh duai-buáng dŭ sê téng Iók-dáng ộ dĕng-biêng giàng, ĩng-ôi ng ọi téng Sák-mā-lé-ā gǐng-guó.

IV DĀUNG. Ià-Sũ Diōh Nā-sák-lĕk. Lg. 2: 40—52.

9. Ià-Sũ có sá sì-hâu sū có gì dâi, ô sié-nộh gé-cái lộh cũ lă? (Lg. 2: 40. Bô Gǐng-dà-mĕk.)

10. Ĩ sĕk-nê huoi sì-hâu ngēu diōh sié-nộh dâi? Chiāng sŭk siōh lău. (Lg. 2: 42—49.)

17 CIÓ-GĀI. Ừ-uők-cáik cêu sê gé-niêng Siông-Dạ cing-géu Ĩ-sáik-liĕk báh-sáng tuák-liê Aĩ-gĭk gì kŭ. Nā sái tĕk C. 12: 21—42, cêu hiēu-dĕk cuoi iā sáung sê Iù-tái guók dŭng-gǎng siōh gā duai cáik. Huang sê Iù-tái nệng cūng diōh siông Ià-

lô-sák-lēng siū ciā cáik. Bìng Iù-tái neng gì liê, huàng niê-giāng gáu sĕk-nê huói sî-hâu, duái neng iâ diōh dái ĩ cạ kó siū cáik. Dạng ciā sî-hâu, ciā niê-giāng iâ diōh chiông duái neng siōh-iông, dái siōh dĭng kuàng-kuàng-mộ, ciā mộ sê ngu-puoi có gì, mộ sêng-dâu ô siōh ciáh ăk-giāng ciông Sêng-Gĭng ciĕk diō lợh hũ-diē. Dái ciā mộ cêu sê biêu-mìng ô công-bìng lŭk-huák.

11. Ciā dái ĩ-hâu ĩ diōh Nā-sák-lĕk sǎng-miĕh-sĕk? (Lg. 2: 51, 52; Mk. 6: 3.)

Gáu-hóng Cŭng Muóng.

V. DĀUNG. Cŭng Muóng.

12. Sǎ-miĕng gǎeng Ā-nā káng-giĕng Ià-Sŭ ciông-gì cĭ muāng huǎng-hĭ?

13. Báuk-sĕu ĩng-ôi miĕh-nộh dái sǎng ĩ lă-ŭk?

14. Ciông-gì Hĭ-lŭk ọi tài Ià-Sŭ?

15. Nŭ siông Ià-Sŭ diōh Sêng-dâing diē-siĕ gǎeng hũ sạ gōng độ gì neng gōng siĕ-nộh uâ nĭ?

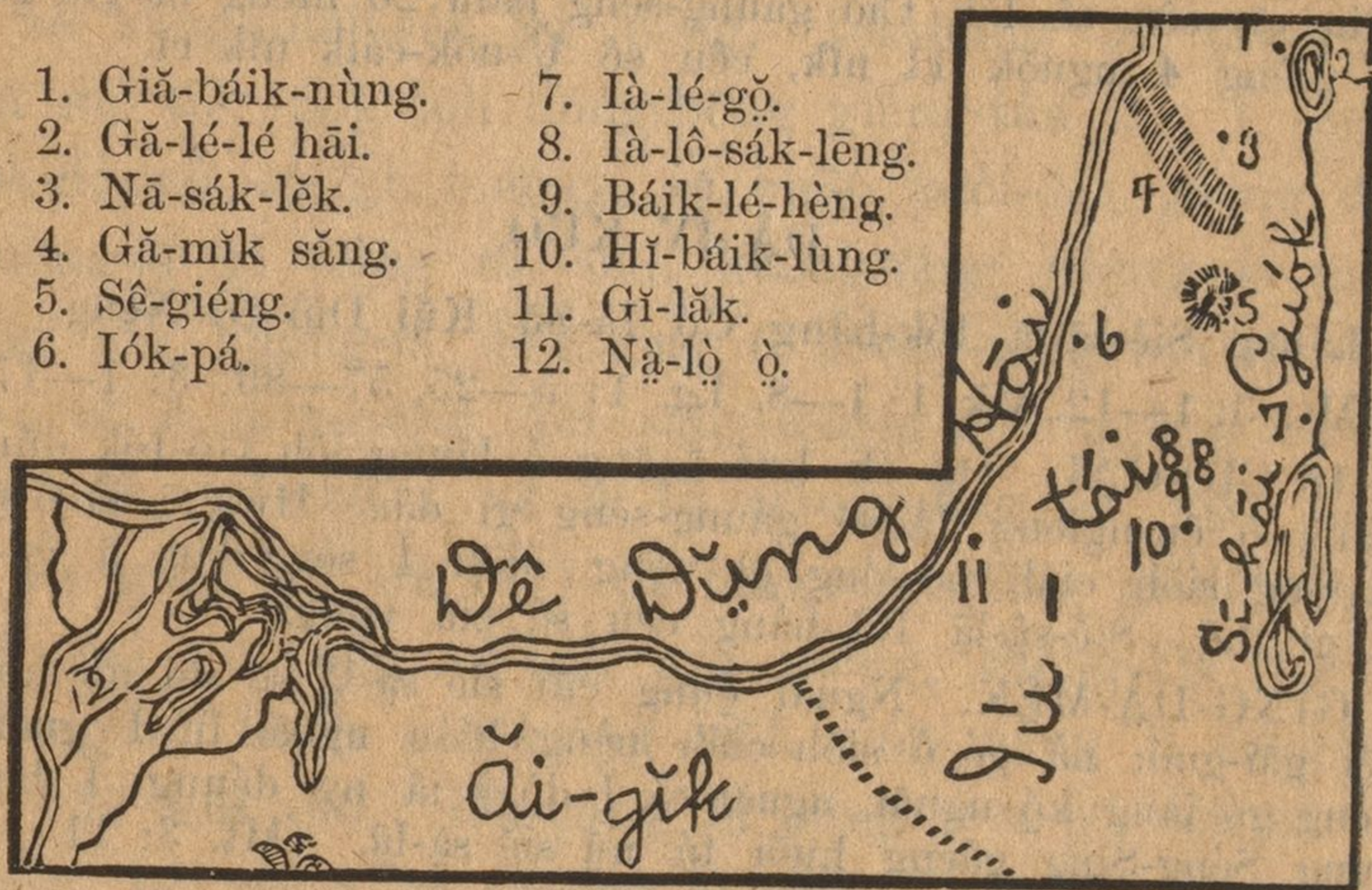
16. Ià-Sŭ diōh Nā-sák-lĕk gǎeng bĕk-ciáh niê-giāng ô siĕ-nộh sǎng-chiông?

17. ĩ sŭ có gì dái ciông-iông ạ có nŭ-neng gì muò-iông, gó ạ ciông-iông miĕng-lậ nŭ-neng? (Hbl. 4: 15.)

VI DÂUNG. Ià-Sũ Sũ Giàng Gì Diô-tiàng.

18. Sạ sũk cĩ siõh kuó sũ lãung Ià-Sũ sũ giàng sé ôi-chéu gì diô-tiàng, liêng gōng Ĩ sê iù diê ôi-chéu kī-sing kó diê ôi-chéu, ãng sié-nõh iòng-gó giàng cĩ huông, dù bing â dù gā-siók. Iù Bái-lé-hèng gáu Nà-lò ò iók-liók ô chék-báh ngô-sék lĩ.

- | | |
|-------------------|--------------------|
| 1. Giã-báik-nùng. | 7. Ià-lé-gõ. |
| 2. Gã-lé-lé hã. | 8. Ià-lô-sák-lêng. |
| 3. Nã-sák-lëk. | 9. Bái-lé-hèng. |
| 4. Gã-mĩk sãng. | 10. Hĩ-báik-lùng. |
| 5. Sê-giêng. | 11. Gĩ-lăk. |
| 6. Iók-pá. | 12. Nà-lò ò. |



Séng-gĩng Sĩk Muóng.

1. Sé Hók-Ing dũng-gãng diê siõh-buông séng lãung sié-sã-lã Iók-hãng gì dãi?
2. Bô ô diê siõh buông lãung Ià-Sũ gì cũk-puô?
3. Diê siõh buông kī-tàu sũ lãung gãeng Chãung-sié-gé sòng-dùng?
4. Diê siõh buông cũ, diê siõh ciòng ô lãung tiêng-séu Giã-báik-liék gãeng Mã-lé-ã gōng uâ?
5. Tiêng-séu gãeng iòng-iòng nêng gì dãi iã sê siã dẽng-nẽ?
6. Dẽng-huống báuk-séu gì dãi iã sê siã dẽng-nẽ?
7. Sĩng-Iók dạ ngô buông gì cũ miàng sié-nõh? Sák-muôi buông miàng sié-nõh? Nãing Sĩng-Iók ciòng-cũ mũk-liók.

DẬ NÊ CHÁH.

Cūng Lâung Ià-Sū Kī-tàu Chók Kó Diòng-dộ Gì Dái: Cệu Siē-sā-lā Iók-hâng kī-chiū diòng-dộ, gáu Ià-Sū diōh Ià-lô-sák-lēng tàu siōh huoi dōng cệung-nềng mềng-sềng hiềng chók si-hâu cī, cệu sê lợh Ciō gấung-sềng hâu 26 niềng hā-giế gáu 27 niềng 4 nguok 11 nĭk, cệu sê Ừ-uok-cáik nĭk cī.

DẬ IV KUÓ.

Lâung Siē-sā-lā Iók-hâng Cộ Ià-Sū Kũ Diô Gì Nềng.

Mt. 3: 1—12. Mk. 1: 1—8. Lg. 1: 5—25, 57—80; 3: 1—17.

18 CIÓ-GĀI. Dậ ék kuó ĩ-gĭng ô lâung lợh Gô-Iók dặng-găng ô ệu-ngiòng Ià-Sū gấung-sềng gì dái. Hũ-diē iā ò ệu-ngiòng siōh ciáh bợ-sềng gì nềng, diōh ĩ sềng-dâu ậ ệu-bê ĩ gì diô. Siē-sā-lā Iók-hâng cệu sê ciā nềng.

GĪNG-DẬ-MỆK. Nguāi ệung cũi siē sā-lā sê sái nũ huoi-cội gāi-guó: nā gó ô siōh ciáh nềng hâu nguāi lĭ, ĩ guòng-nềng gó iàng kộ nguāi, nguāi tá ĩ dộ ậ iā ng dệng: ĩ buoh ệung Sềng-Sing gậng huoi tá nũ siē sā-lā. (Mt. 3: 11.)

Sềng-Gĭng lợh bắng lậ tặk. Mt. 3: 1—12.

Sềng-Gĭng Nĭk-Kuó.

Bái-ék. L. 18: 1—29.

Bái-sé. Ml. 3: 1—6; 4: 1—6.

Bái-nê. L. 18: 30—46.

Bái-ngô. Lg. 1: 5—23.

Bái-săng. Isa. 40: 1—11.

Bái-lặk. Lg. 1: 67—80.

Lậ-bái-nĭk Lg. 3: 1—17.

IV KUÓ-GĀI. Lâung Siē-sā-lā Iók-hâng Diòng Ciō Gì Dộ.

Liē Ià-Sū sắng-chók-siē gi ôi-chệu mộ niōh huông, ô siōh dọi duāi dê-huông giếu cộ kuông-iā. Ciā ôi-chệu piềng-muāng dũ sê siōh-tàu gậng chệu-mủk.

Hū-dôi nâ ô gūi ciáh neng dêu, cêu sê dêu lōh săng-dâeng lā. Iá-Sū iók-liők săng sêk huói si-hâu, ô siōh ciáh cêng gáuk-iông gi neng miáng Iók-hâng chók li. Ciā neng gó muói chók-sié si-hâu, ô siōh ciáh tiêng-séu miáng Gă-báik-liěk sêng li êu-ngiông gōng ĩ sê săng-miéh-sék gi neng. Iók-hâng gi tâu-huók dũ mộ tié, săng lōh liông-bêng giêng-tâu lā. ĩ sêung lők-dò-mò có gi ĩ-siông, iũ buōh puoi-dái, gâeng dêu kuông-iā gi neng cả siáh huông-têng gâeng iā mīk. ĩng lōh kuông-iā dē-huông ô huông-têng bũi lō, tiéu lō; iā ô mīk-pŭng lōh săng-dâeng siōh-ngáng hū-diē có mīk, gó-chū ĩ nâ â tō ciông-uâng gi nōh siáh. ĩ sū gōng gi uā bī ĩ gi iông-sék gáing gi-dêk. Bī ciā dái gó sêng sé-báh gūi nieng, Siông-Dá ĩ-gĭng ô éng-hū buōh chă-kiēng siōh ciáh neng li sié-găng tá Ciō kũi diô. Iók-hâng iā gōng ĩ cê-gă cêu sê ciā neng, bô gōng sū éng-hū gi neng iā buōh gáu, liêng gōng tiêng-guók gêung lō, neng gâi-dōng huói-côi gâi-guó. Iú-tái séu-chéu gi neng tiăng ciā uā cêng kó gi-dêk, cêu iú huông-dôi li, cêu-cĭk lōh ĩ méng-sêng tiăng ĩ gōng dō. ĩ dĭk-tâu gōng ĩ-gáuk-neng ô côi, diōh gāng-gĭng huói-côi gâi-guó uông-liê côi-áuk, nâ ng ciông-uâng tiêng-guók gâeng ĩ-gáuk-neng cêu mộ hông. Báh-sáng bô muóng ĩ gōng, nguāi diōh ciông-iông có ciáh â dáik géu nĩ? ĩ éng gōng nū diōh kuāng-hâu, dŭng-sêng ũng-iú, dĭ-céuk; bô gōng nū-neng gáing diōh sêng hâu nguāi li gi Géu-Ciō. (Sđ. 19: 4.) Dōng ciā si-hâu ô cêng sâ neng tiăng ĩ gi uā cêu huói-côi gâi-guó li sêu ĩ gi sâ-lā.

Ũng-sik Gì Muóng.

1. Tàu cháh lāung Ià-Sū sié-nóh dái? 2. Tàu cháh muōi kuó lāung sié-nóh? Buōi hū siōh kuó gì Gĭng-dà-mĕk. 3. Ià-Sū gáung-sĕng gì dái sĕng gāeng diē nĕng háng? 4. Ià-Sū chók-sié hāiu 42 nĭk Ī bā-nā dái Ī kó dĕng-nĕ? Īng-ōi sié-nóh iòng-gó? 5. Diōh hū-uái ngĕu diōh sié-nóh dái? 6. Ô diē-nĕng iù huông-dói lĭ bái Ī? 7. Diē-nĕng ọi hāi Ī? Īng-ōi sié-nóh iòng-gó? 8. Ī ciōng-iōng tuák-liē ciā ngùi-hiĕng, liĕng kó sié-nóh ọi-chĕu? 9. Ī diōng lĭ ĩ-hāiu dĕu lōh sié-nóh ọi-chĕu? 10. Ī sĕk-nĕ huói sĭ-hāiu ngĕu diōh sié-nóh dái? 11. Ché uā siōh tiōng Sĕng-dāing gì dù, liĕng ció mĭng gáuk-dói gì dĕ-huông. 12. Buōng kuó lāung sié-nóh? Sié-nóh gĭng-dà-mĕk?

I DĀUNG. Lāung Ēu-ngiòng Siĕ-sā-lā Iók-hāng Chók-sié.

1. Ô sié-nóh Ēu-ngiòng lāung Iók-hāng? Ciā Ēu-ngiòng sĕ sié-nóh sĭ-hāiu gōng, gāeng diē nĕng gōng? (Ml. 3: 1; 4: 5, 6.)

19 CIÓ-GĀI. "Iók-cŭ gì Sĕu-Ciā" sĕ bĭ Mĭ-Suói-Ā, "Nguāi gì sĕu-ciā" sĕ cĭ kŭi-diō gì nĕng.

2. Siĕ-sā-lā Iók-hāng gì bā-nā sĕ diē-nĕng? (Lg. 1: 5, 6.)

3. Ēung sié-nóh gì-dĕk gì huông-huák éng-hū Iók-hāng gì nòng-bā gōng ĩ buōh dáik siōh ciáh giāng? (Lg. 1: 8—13.)

4. Tiĕng-sĕu gōng Iók-hāng gǎi-dōng cộ sǎng-miĕh-sék gì nĕng? (Lg. 1: 15—17.)

II DĀUNG. Siĕ-sā-lā Iók-hāng Chók-sié? Lg. 1: 57—80.

5. Iók-hāng gì miàng iù dĕng-nĕ dáik? (Lg. 1: 13, 59—63.)

6. Iók-hâng gì nòng-bâ gōng sié-nộh ệu-ngiòng lầung ĩ giāng?
(Lg. 1: 76, 77.)

7. Iók-hâng muôi chók lì diòng độ ĩ-sềng dều diớh diề ôi-
chều? (Lg. 1: 80.)

20 CIÓ-GĀI. Sū giều cộ sả-mỏk gì dề-huớng, cều sề siớh
dối mậ bằng-tiāng, mộ gềng-cềung ciều dềk nềng dều gì ôi-
chều, pầung diớh Sỉ-hầi sả-biềng; nềng giều ciầ dề cộ lầ-tái
kuông-iầ. (Giềng lộh dề-dù.)

III DẦUNG. Siể-Sả-lầ Iók-hâng Diòng Độ.

Mt. 3: 1—12. Mk. 1: 1—8. Lg. 3: 1—18.

8. Iók-hâng diớh diề ôi-chều diòng độ? (Lg. 3: 3. Mt. 3: 1.)

9 ĩ sềung sié-nộh, siầh sié-nộh? (Mt. 3: 4.)

10. ĩ gōng sié-nộh độ-lỉ? (Mt. 3: 2.)

11. Diề-nềng kộ tiẩng ĩ gì độ-lỉ? (Mt. 3: 5.)

12. ĩ sū diòng gì độ-lỉ ô miềh-nộh gềng-hầu? (Mt. 3: 6.)

13. Huầng lì cều ĩ gì nềng Iók-hâng gầ ĩ sié-nộh độ-lỉ?
(Lồ-gầ 3: 10—14.)

14. Ī ciōng-iông gōng lāung Ià-Sū? (Mk. 1: 7, 8. Mt. 3: 11, 12.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

15. Ciōng-gì ô hū sậ báh-sáng kộ tiǎng Iók-hâng gōng dộ?

16. Iók-hâng gōng huói-cội gāi-guó sê sié-nộh é-séu? Sóng-Gǐng ciōng-iông lāung huói-gāi gì dái? (Isa. 1: 16, 17; Isg. 18: 21, 22.)

17. Iők-sū nù-gáuk-nệng sĭk-sĭk ô huói-cội gāi-guó, Siông-Dá ậ tá nù-gáuk-nệng có sié-nộh? (Isa. 55: 7; Sđ. 2: 38.)
Sié-nộh giéu lộ huói-cội gāi-guó?

18. Iók-hâng gōng dộ huói-cội gāi-guó ĩ-nguôi gó diǎh có sié-nộh? (Mt. 3: 8.) Ī gōng ciā uā sê sié-nộh é-séu?

19. Nù-gáuk-nệng diǎh ciōng-iông có ciáh ậ sáung sê Gĩ-Dók-dù?

20. Nù-gáuk-nệng diǎh ciōng-iông bǒng-cậ ciā ng bái k Ià-Sū, ng tiǎng Ià-Sū gì nệng, sái ĩ-gáuk-nệng ậ hiêu-dék ciék-nắk Ià-Sū lộ ĩ sĭng-diē?

Séng-Gĭng Ũng-sĭk Gì Muóng.

Sé Hók-ĭng Gì Muóng.

1. Diõh diê siõh buõng Hók-ĭng cũ diê siõh ciõng diê siõh ciék, Ià-Sũ chĭng có Dộ?
2. Diê siõh buõng cũ diê siõh ciõng ô lâung tiêng-séu gâeng iõng-iòng neng gì dâi?
3. Diê siõh buõng gì cũ lâung Ià-Sũ chók-sié hâu diõh Séng-dâing gì dâi?
4. Diê siõh buõng lâung báuk-séu lieng Ià-Sũ câu kó Aĭ-gĭk gì dâi?
5. Diõh Lg. 2, ciòng, hũ-diê ô diê sãng-iõng gì dâi gõng lâung Ià-Sũ?
6. Diê siõh buõng gì cũ diê siõh ciõng ô lâung tiêng-séu hiêng-hiêng kéuk Sák-gă-lé-ā káng-gieng?
7. Diõh diê gũ buõng cũ lă dũ ô lâung Siě-să-lă Iók-hâng diòng-dộ gì dâi?
8. Diê siõh buõng sũ lâung gì dậ ék dòng?
9. Diê siõh buõng sũ lâung gì dậ ék dôi?

DẬ V KUÓ.

Lâung Ià-Sũ Kĭ-chiũ Diòng Hók-ĭng.

Mt. 3: 13—4: 11; Mk. 1: 9—13; Lg. 3: 21, 22; 4: 1—13.

21 CIÓ-GĀI. Ià-Sũ tiêng-gieng Siě-să-lă Iók-hâng diõh kuõng-iã diòng-dộ, lieng hiêu-dék Iók-hâng ô tá ĩ kũ diô lâu, cêu gieng-gáek ĩ hông-mêng diòng-dộ gì sĭ-hâu gáu lâu. Gó-chũ ĩ cêu liê ĩ buõng hiõng Gă-lé-lé lĭ sêu Iók-hâng să-lă, lieng lợh kuõng-iã sêu mọ-gũi ché, cái hâu ĩ cêu kĭ-chiũ diòng độ.

GĪNG-DẬ-MỆK. Nũ sê Nguai gì ái Cũ, Nguai sũ huãng-hĩ gì." (Mk. 1: 11.)

Séng-Gĭng lợh bãng lă tẹk. Mt. 3: 13—4: 11.

Séng-Gĭng Nĭk-Kuó.

Bái-ék. Mt. 3: 13—4: 11. Bái-sé. Sp. 139, piêng,
 Bái-nê. Ib. 1, ciòng. Bái-ngô. Ng. 1: 1—18.
 Bái-săng. Ib. 2, ciòng. Bái-lĕk. Ihs. 6: 10—20.
 Lă-bái nĭk Lg. 3: 21, 22; 4: 1—13.

KUÓ-GĀI. Lâung Iá-Sū Sêu Să-lă Liêng Diôh
 Kuông-iă Sêu Mò-gūi Ché.

Iók-hâng diôh kuông-iă diòng dộ duai ô guông-lĭk,
 báh-sáng iù sêu-chéu li gi, siôh nĭk sạ guó siôh nĭk,
 tiăng ĩ sū diòng gi dộ-li cêng kộ gi-dĕk, ô cêng sạ
 gi nệng huoi-côi gāi-guó li sêu sạ-lă. Ô siôh nĭk
 Iá-Sū iă li chiăng Iók-hâng tá ĩ siê sạ-lă. Iók-hâng
 kĭ-sĕng mò gāng éng-sing ĩ, nă Iá-Sū gōng cuoi sê
 nguai nệng éng-dōng cộ gi dai, gó-chū Iók-hâng ciáh
 ô gāng tá ĩ siê sạ-lă. Dōng hū siôh si ô siôh-iông
 cêng gi-dĕk gi dai hiêng chók, cêu sê Iá-Sū kiê lă
 gi-dộ si-hâu, tiêng huók-iòng-gāng kũi kĭ, ô Séng-
 Sing chiông báh-gák gáung lộ ĩ tầu siông, bô ô
 siăng-ĭng cêu tiêng gáe gōng, “Nū sê Nguai gi ái
 Cū Nguai sū huăng-hĭ gi.” Iók-hâng ciáh hiêu-dĕk
 Mĭ-Suoi-Ā guō-iòng ô gáung-ling.

Iá-Sū chūi-iòng chĭng cộ ĭng-Cū, nă ĩ ô séng gi
 sĭng, bô ô guông-báng ọi hiêng-ming lộ ĩ sū cộ gi
 dai, cộ nguai nệng gi muò-iông. Ciă dai ĩ-hâu ĩ
 kĕuk Séng-Sing ĭng-dộ gáu kuông-iă kĕuk mò-gūi ché.
 Mò-gūi sai gáuk dĕng gi huông-huák iū-hĕk Iá-Sū huăng
 côi, nă Iá-Sū cŭng-giū iàng guó Sák-dáng, mậ gáu sêu ĩ
 iū-hĕk. Siông Iá-Sū diôh Nă-sák-lĕk cộ niê-giăng si-
 hâu mò-gūi iă ô ĭng-iū ĩ, nă ĩ cŭng mậ gáu kĕuk ĩ iū-

hĕk. Ciā si-hāiu Ià-Sū ô sêu guó sǎng-huoi gi ché, gi-dŭng siòng-sá gi ôi-chĕu nguāi-nĕng chŭi-iòng mò-dǎng-dong hiĕu-dék, nā nù-gáuk-nĕng dŭ ă mĭng-bĕk Ià-Sū chŭi-iòng sêu ché, cŭng mậ huâng côi, chŭi-iòng bók-lō kĕng, Ĩ iâ ng biéng siōh cộ biāng, ĩng nā biéng cĕu ng sê sĭk séng Siông-Dá. Ĩ iâ ng iù chió-dĭng tiĕu lŏh li, gū-é cộ hù-dù gi dâi, āi-uông Siông-Dá li géu Ĩ. Dŏng Sák-dáng éng-hŭ Ĩ gōng, “Nŭ nā gôi lā bái nguāi, nguāi buóh kĕk tiĕng-â cĭ sậ nŏh dŭ sĕu Nŭ”, Ià-Sū cĕu duāi-siāng gáe gōng, “Sák-dáng tŏi kŏ,” Sák-dáng dŭ kĕuk Ià-Sū páh bái, cĕu bié cāu kŏ, ĩ-hāiu cĕu ô tiĕng-sĕu li hŭk-sĕu Ià-Sū.

Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Sŭk gŭi-iông gi dâi biĕu-mĭng sié-gǎng ô ĕu-bĕ chĭng-chŭ kĕuk Ià-Sū gáung-sĕng? 2. Ià-Sū dŏng cộ niĕ-giāng gĕng cáung-nĕng si-hāiu ô diĕ gŭi-iông dâi-giĕ duāi chók-miāng? 3. Ià-Sū siōh-sié-nĕng sŭ cộ gi dâi ô niōh-uāi niĕng nù-nĕng mậ hiĕu-dék? 4. Dậ nĕ cháh dŭng-gǎng gáuk kuó lāung Ià-Sū cộ sié-nŏh dâi? 5. Dậ nĕ cháh dŭng-gǎng gĕung-cŭng ô niōh-sậ niĕng-só? 6. Sĕng siōh kuó tĕk lāung diĕ-nĕng? 7. Diĕ-nĕng sê Ĩ gi bâ-nā? 8. Ĩ dĕu lŏh dĕng-nĕ, diōh diĕ ôi-chĕu diòng dŏ? 9. Ĩ siāh sié-nŏh, sĕung sié-nŏh? 10. Ĩ gōng sié-nŏh dŏ-lĭ? 11. Ĩ diòng-dŏ ô sié-nŏh gŭng-hāu? 12. Ĩ gōng hāiu ĩ li gi nĕng sê sǎng-miĕh-sék? 13. Huoi-côi gāi-guó sê sié-nŏh é-sĕu? 14. Buông kuó sê sié-nŏh dậ-mĕk? Sié-nŏh gŭng-dậ-mĕk?

I DĀUNG. Ià-Sū Sĕu Sǎ-Lā. Mt. 3: 13—17; Mk. 1: 9—11; Lg. 3: 21, 22.

1. Ià-Sū iù diĕ ôi-chĕu li sĕu Iók-hāng gi sǎ-lā? (Mt. 3: 13.)

2. Iók-hāng ciông-iông tŏi-sŭ? (Mt. 3: 14.)

3. Ià-Sū ciōng-iông dák-éng ĩ? (Mt. 3: 15.)

22 CIÓ-GĀI. "Cēng cŭ-iông gí lā," é-séu cêu sê cōng-bing Siông-Dá gí cī-é. Huàng sū éng-dōng có gí dái, Ià-Sū mò lā mậ gé-dék có.

4. Sêu sã-lã ciáh uòng sì-hâu ô ngêu diōh sié-nộh dái? (Mt. 3: 16, 17.)

5. Ià-Sū dōng hiã sì-hâu ô niōh-uài huói? (Lg. 3: 23.)

II DĀUNG. Diōh Kuōng-iã Sêu Mò-gūi Ché-liêng. Mt. 4: 1—11; Mk. 1: 12, 13; Lg. 4: 1—13.

6. Ià-Sū sêu sã-lã ĩ-hâu kéuk Séng-Sing ĩng gáu sié-nộh dê-huông có sié-nộh? (Mt. 4: 1.)

7. Ià-Sū kéuk Sák-dáng ché ô niōh-òng? (Mk. 1: 13.)

8. Tàu siōh huòi ciōng-iông ché? (Mt. 4: 2, 3.)

9. Ià-Sū ĩng-ôi sié-nộh iòng-gó siong ĩ cê-gã sê Siông-Dá Cū? (Mt. 3: 17.)

10. Iők-sū Ià-Sū ệung lā huák kộ ché káng ciã iù tiēng ĩ gí siāng-ĭng sê sĭk ā ng sê, ciōng-gí ậ sáung dék ô dāng?

11. ĩ ĩng Séng-gĭng lã sié-nộh uã dā-dĭk ché? (Mt. 4: 4; Sm. 8: 3.)

12. Dậ nê huòi gí ché sê sié-nộh? (Mt. 4: 5, 6.)

23 CIÓ-GĀI. Dāing cék-dīng cêu sê Séng-dāing gĭk gèng gì ôi-chéu, hĕk-chiā sê huòng-dá hùi-lòng gì dīng, nâ sê cêu ô nê sĕk ù dāung hū gèng.

13. Iők-sū Ià-Sū bing Sák-dáng sū gōng gì uâ ciōng-gì ô dāng?

14. Ī ẹụng Gô-Iók lă sié-nộh uâ dă-dĭk ciā ché? (Mt. 4: 7; Sm. 6: 16.)

15. Sák-dáng dậ sǎng huòi bô ciōng-iông ché Ciō? (Mt. 4: 8, 9.)

16. Iők-sū Ià-Sū guō-iòng ciōng-uâng có, ciōng-gì ậ sǎung sê ô dāng?

17. Ià-Sū ciōng-iông dák-éng? (Mt. 4: 10; Sm. 6: 13; 10: 20.)

18. Ī-hâu mọ-gūi ciōng có? (Mt. 4: 11.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

19. Séng-Sing gǎung-ling lộh Ià-Sū sê ẹtt-bê sié-nộh dâi?

20. Sák-dáng ciōng-gì dĕk-é lộh ciā si-hâu lì ĩng-iū Ià-Sū huàng cội?

21. Kéuk nū siōng diōh sié-nộh sì-hâu, lộh dặng-nệ Ià-Sū kī-chiū iàng guó mò-gūi?

22. Nù-gáuk-nệng ciōng-iông ậ iàng guó iū-hẹk? (Ng. 4: 7.) Éng-dōng gì-dō sié-nộh dái? (Mt. 6: 13.)

23. Nù-gáuk-nệng ngệu diōh iū-hẹk ô dié nệng bōng-câe, iâ ciōng-iông bōng-câe? (Hbl. 2: 18.)

Séng-Gĭng Ũng-sĭk Gì Muóng.

24 CIÓ-GĀI. Hők-sẻng tẻk gáu cĭ siōh kuó sì-hâu, sĭng-sẻng cẻng iẻu-gĭng diōh sái hők-sẻng ậ hiẻu-dẻk sū ĩng gì Séng-Gĭng ciẻk sẻ lộh Gô-Iók dặng-gẻng dặng-nệ tộ.

1. Iù-tái guók gô-dạ miàng lộ sié-nộh? (Cs. 12: 5.)

2. Ià-lô-sák-lẻng gó ô sié-nộh miàng-cẻ?

Sg. 19: 10.

2 S. 5: 9.

Nh. 11: 1.

Sp. 48: 12.

Sp. 101: 8.

3. Sĭ-hài lộh Gô-Iók lặ gó ô miàng sié-nộh? (Msg. 34: 12; Ic. 3: 16.)

4. Gả-lẻ-lẻ hời lẻng-nguôi gó ô sẻng ciách sié-nộh miàng-cẻ? (Msg. 34: 11; Lg. 5: 1; lh. 6: 1.)

5. Diōh Gả-lẻ-lẻ hời bẻk biẻng ô siōh ciách siẻu ù miàng lộ sié-nộh? (Ic. 11: 5.)

DẬ VI KUÓ. Lâung Ciáh Séng Ià-Sũ.

Ih. 1: 19—2: 12.

25 CIÓ-GĀI. Buōng kuó sū lâung ô cêng sậ dīng iéu-gīng gì cīng-lī, nâ nù-gáuk-nềng tẹk ciā cũ dậ ék iéu-gīng diōh ậ hiêu-dék siē-sā-lặ Iók-hâng ciōng-iōng lặ cụng-nềng mềng-sềng gōng lâung Ià-Sũ, liềng diōh hiêu-dék Ià-Sũ kī-tàu ciōng-iōng dáik diōh gūi ciáh muòng-sềng. Bô hiềng gì-dẹk gì dái kẹuk i-gáuk-nềng káng, sái i-gáuk-nềng gáing séng Ià-Sũ sê gắi-dồng lị gì Mĩ-Suói-Ā.

GĨNG-DẬ-MỄK. Káng Siông-Dậ gì Gổ-Iòng mại kộ sié-gǎng nềng gì cội cêu sê Ĩ. (Ih. 1: 29.)

Séng-Gǐng lặ bǎng lặ tẹk. Ih. 1: 20—42.

Séng-Gǐng Nĩk Kuó.

Bái-ék. Ih. 1: 19—28.

Bái-sé. 1 Ih. 1, cìong.

Bái-nê. Ih. 1: 29—42.

Bái-ngô. 1 Ih. 3: 1—12.

Bái-sǎng. Ih. 1: 43—51.

Bái-lẹk. Isa. 53, cìong.

Lặ-bái nĩk. Ih. 2: 1—11.

VI KUÓ-GĀI. Lâung Ià-Sũ Tầu Siōh Huói Ciêu Ngô Ciáh Nềng Cộ Muòng-sềng.

Buōng kuó sū lâung gì dái cêu sê Ià-Sũ diōh kuōng-iā sêu ché i-hâu ngẹu diōh. Cī sậ gì dái dủ sê diōh siōh lặ-bái nội sū cộ gì. Dụ lặ Gắ-lé-lé gì Giǎ-nā dề-huōng sū cộ hữ siōh-iōng gì-dẹk gì dái i-nguôi, gì-ự dủ sê diōh Iók-dáng ộ biềng, lặ sé nĩk nội hềng chĩng-chū. Cī sé nĩk gì tầu nĩk Iủ-tái guǎng-hū sái nềng lị muòng siē-sā-lặ Iók-hâng gōng, Ĩ sê ng sê Gĩ-Dók. Iók-hâng gōng, “Ng sê, nâ hâu nguāi lị hữ siōh ciáh cêu sê Gĩ-Dók”. Sé nĩk gì dậ nê nĩk Ià-Sũ hiềng lặ cụng-nềng dặng-gǎng, Iók-hâng cī i gōng, “Káng Siông-Dậ gì Gổ-Iòng mại kộ sié-gǎng nềng gì cội cêu sê Ĩ.” Chũi-iòng ô cêng sậ

neng ọi giéng Ī, nâ mò neng gŭng Ī. Dậ sǎng nĭk Ià-Sũ lậ giǎng si-hâiu, Iók-hâng cĭ Ī kĕuk lǎng ciáh muòng-sĕng káng. Ī-gáuk-neng gǎeng Ià-Sũ muōng giǎng muōng páng-gōng, lièng séng Ià-Sũ. Cĭ lǎng ciáh muòng-sĕng dŭng-gǎng siōh ciáh sê Ăng-dáik-liĕk, cĕu sê Sǎ-muòng bô chĭng Bĭ-dáik gĭ hiǎng-diê, gó siōh ciáh hĕk-chiā sê sĕu-dù Iók-hâng. Ăng-dáik-liĕk giéng diōh Gĭ-Dók cĕng huǎng-hĭ, cĕu gǎng kó giéng ĩ hiǎng-diê Sǎ-muòng lĭ giéng Ià-Sũ, gó-chū Ià-Sũ lặ hŭ siōh nĭk ô dáik sǎng ciáh muòng-sĕng. Lặ sé nĭk gĭ muōi nĭk diōh Iók-dáng ọ bòng-biĕng bô dáik diōh lǎng ciáh muòng-sĕng, siōh ciáh sê Báik-suói-dái neng Pĭ-lĭk, Ià-Sũ kó gǎeng ĩ gōng, “Lĭ gŭng Nguāi”. Siōh ciáh sê Nā-dáng-ngiĕk, cĕu sê Pĭ-lĭk sŭ dái lĭ giéng Ià-Sũ gĭ. Ià-Sũ dái cĭ ngô ciáh muòng-sĕng lĭ gáu Gǎ-lé-lé gĭ Giǎ-nā, Ī cĕu hiĕng chók Ī gĭ guòng-neng, cộ gĭ-dĕk gĭ sĭng-cék kĕuk báh-sǎng káng, hiĕng-mĭng Ī gĭ ĩng-iĕu, ciōng-uǎng gǎng ậ giĕng-gó muòng-sĕng séng gĭ sĭng. Ī-hâiu Ī iù Gǎ-lé-lé gĭ sǎng-dê lĭ gáu Gǎ-lé-lé gĭ hāi biĕng Giǎ-báik-nung siǎng-diē, dĕu lặ hŭ-uái dĭk-táu dĭng gáu Ự-uők-cáik gáu, Ī cĕu lặ Ià-lô-sák-lĕng cĕng sậ neng dŭng-gǎng diòng dộ.

Ừng-sĭk Gĭ Muòng.

1. Lặ cĭ sậ kuó dŭng-gǎng dậ ék cháh ciōng-iōng lǎung Ià-Sũ tàu huoi gĭ dái? Dậ nê cháh gĭ dái?
2. Siĕ-sǎ-lậ Iók-hâng sê diê neng?
3. Ià-Sũ sĕu sǎ-lậ si-hâiu iók-liők ô niōh-uái huoi?
4. Sĕu sǎ-lậ ĩ-hâiu cĕu ngĕu diōh siĕ-nộh dái?
5. Ī-hâiu Ī kó dĕng-nĕ, diōh hŭ-uái niōh-òng?
6. Bĭng Mā-tái sŭ lǎung Ī tàu-

huòi sêu sié-nộh iū-hệk? Dậ nê huòi sêu sié-nộh iū-hệk? Dậ sãng huòi sêu sié-nộh iū-hệk? 7. Iỏk-sũ Ià-Sũ nâ kếu mò-gũ piéng kớ, ciông-gì sảung sê ô dẫng? 8. Sêu ché ĩ-hâu ô diê nệng lỉ bỡng-cậ? 9. Nủ-gảuk-nệng ciông-iông ậ iẫng guó ciả ché? 10. Nủ-gảuk-nệng sêu ché sỉ-hâu diê nệng ậ lỉ bỡng-cậ? 11. Buông kuó lẫung sié-nộh? Sê sié-nộh Gĩng-dậ-mệk?

I DẫUNG. Iỏk-hẫng Lỏh Lẻ-ê Gẫng Ciẻ-sỉ

Dẫng-gẫng Cỏ Cẻng-gẻng. Ih. 1: 19—28.

1. Buông kuó sũ lẫung diỏh Iỏk-dẫng ộ biẻng gẻng-cẫng ô gũ nỉk?

2. Tầu siỏh nỉk ô diê nệng iủ Iả-lỏ-sảk-lẻng lỉ giẻng Iỏk-hẫng? (Ih. 1: 19.)

26 CIỎ-GẫI. Iủ-tải guẫng-hũ chậ-kiẻng nệng lỉ Iỏk-hẫng hũ-dỏi, sê dẻk-ẻ ỏi dả-tẻng Iỏk-hẫng ciông-iông diông dộ, ciông-iông đảik bảh-sảng gỉ sẻng.

3. Iỏk-hẫng gông ĩ cẻ-gả ng sê miẻh-nộh nệng? (Ih. 1: 20, 21.)

27 CIỎ-GẫI. Iủ-tải nệng ải-uông ĩ-lẻ-ả cải lỉ siẻ-gẫng. (Ml. 4: 5.) Iỏk-hẫng cỏ nệng ô ĩ-lẻ-ả gỉ sẻng-cẻng (Lg. 1: 17.), nả ĩ ng sê ĩ-lẻ-ả.

4. ĩ gông ĩ cẻ-gả sê diê nệng? (Ih. 1; 23. Isa. 40: 3.)

5. ĩ ciông-iông lẫung Gỉ-Dỏk? (Ih. 1: 26, 27. Mk. 1: 7, 8.)

II DẫUNG. Iả-Sũ Sê Siông-Dậ Gỉ Gỏ-Iỏng. Ih. 1: 29—34.

6. Iỏk-hẫng dậ nê nỉk bô ciông-iông lẫung Iả-Sũ? (Ih. 1: 29. Gĩng-dậ-mệk.)

7. Iók-hâng tàu huòi cêu báik Ià-Sŭ sê miéh-nóh neng ā mã?
(Ih. 1: 31.)

8. Ĩ ciông-iông báik Ĩ? (Mt. 3: 17; Ih. 1: 32, 33.)

9. Ĩ bô gâeng diê neng gōng Ià-Sŭ sê sié-nóh neng? (Ih. 1: 34.)

III DÂUNG. Tàu Siôh Huòi Ciêu Săng Ciáh Muông-sêng.

Ih. 1: 35—42.

10. Sié-nóh si-hâu lieng tàu siôh huòi ciông-iông ciêu lăng ciáh neng cộ muông-sêng? (Ih. 1: 35—39.)

11. Ciā neng miàng lộ sié-nóh? (Ih. 1: 40.)

12. Cĩ lăng ciáh dŭng-găng ô siôh ciáh cộ sié-nóh? (Ih. 1: 41.)

13. Ià-Sŭ káng-giêng Să-muông cêu chŭng ĩ sié-nóh miàng? (Ih. 1: 42.)

IV DÂUNG. Pĩ-lĭk gâeng Nā-dáng-ngiěk. Ih. 1: 43—51.

14. Ià-Sŭ dạ sé ciáh muông-sêng sê diê neng, ĩ gĩ chió diôh dêng-nê? (Ih. 1: 43, 44.)

15. Ĩ dái diê neng lị Ià-Sŭ lậ? (Ih. 1: 45, 46.)

16. Ià-Sū káng-giéng ciā muòng-sěng cêu gōng miéh-nộh uâ?
(Ih. 1: 47.)

17. ĩ gōng diõh dặng-nē káng-giéng ĩ? (Ih. 1: 48.)

28 CIÓ-GĀI. “Ừ-huả-guō chéu â” cī siõh guó gì uâ hếk-chiā sê cī siõh ciáh gì-dō gì ôi-chéu. Ià-Sū káng-giéng ĩ sê ĩ gì sìng-lìng káng-giéng. Cùi sê Ià-Sū tàu siõh huòi hiêng-mìng ĩ ô sìng-lìng gì guòng-báng.

V DĀUNG. Tàu Siõh Huòi Gì Sìng-cék, Sāi
Cūi Biéng Cộ Buò-dò-cáik. Ih. 2: 1—11.

18. Ià-Sū gâeng ĩ gì muòng-sěng cậ liê Iók-dáng ộ kộ dặng-nē?
(Ih. 2: 1, 2.)

19. ĩ diõh dặng-nē cộ sié-nộh gì-děk gì dâi? (Ih. 2: 3—10.)
Muòng sũk ciā dâi.

20. Hèng ciā sìng-cék kẹuk muòng-sěng káng ô sié-nộh iáh?
(Ih. 2: 11.)

Gáu Hóng Cūng Muóng.

21. Lâung Ià-Sū cộ Gổ-Iòng lộh Isa. 53: 7—9, ô ciõng-iông gōng? Lộh Ms. 13: 8, bô ciõng-iông lâung ĩ?

22. Iók-hâng chĩng Ià-Sū cộ Siông-Dậ gì Gổ-Iòng ô sié-nộh é-séu? ĩ dù kộ dié nệng gì cội, ĩ ciõng-iông cộ ậ dù nệng gì cội? Gó ô bẻk nệng ậ dù nguài-nệng gì cội ả mậ? (Sđ. 4: 12.)

23. Āng-dáik-liěk ciōng-gì cī muāng gāng-gék dái ĩ gì hiāng-diê lī Ià-Sū lā? Nù-gáuk-nèng dōng muôi dái nèng lī Ià-Sū lā ĩ-sèng, cê-gă éng-găi sèng có sié-nòh?

Séng-Gĩng Gì Muóng, (Giéng 24 Ció-Gāi.)

Ià-Sū gì běk-nòh miàng-cê ciéu â-dā sū gé gì cìōng ciék tō chók lī.

Cs. 49: 10.

Ih. 8: 12.

Sm. 18: 15.

Ih. 10: 11.

Isa. 7: 14.

Ih. 15: 1.

Isa. 9: 6.

Hbl. 2: 10.

Di. 9: 25.

Hbl. 4: 14.

Mt. 2: 2.

Ms. 1: 8.

Ih. 1: 29.

Ms. 5: 5.

Ih. 6: 35.

Ms. 17: 14.

Iők-sū hők-sèng lōh Sīng-Iók, Gô-Iók lā běk ôi-chéu dǔng-gǎng gó â tō chók Ià-Sū běk-nòh gì miàng, cêu chiāng siā chók lī.

DẬ SĂNG CHÁH.

Cūng Lâung Ià-Sū Táu Siõh Huòi Lõh Iù-tái Diòng Hók-ĭng. Cệu lõh Ià-lô-sák-lēng cệung nệng mệng-sẻng diòng độ lậ kī, ẻk-dĩk gáu diòng kộ Gả-lẻ-lẻ hiā si-hâu lậ cī; hữ siõh si sẻ Ự-uỏk-cáik gi si-hâu, cệu sẻ cệu Ciõ gáung-sẻng hâu 27 niẻng 4 nguỏk 11 nĩk gáu 27 niẻng 12 nguỏk.

DẬ VII KUÓ.

Lâung Ià-Sū Lõh Ià-lô-sák-lēng Táu Siõh Huòi Diòng Hók-ĭng. Ih. 2: 13—3: 21.

29 CIÓ-GAI. Nù-gáuk-nệng tẻk cī siõh kuó cệu hiẻu-dẻk Ià-Sū diỏh cệung nệng mệng-sẻng diòng Hók-ĭng. Ĩ tầu siõh huòi sủ cộ gi cệu sẻ cỉong Ià-lô-sák-lēng Sẻng-dằng hữ-diẻ cộ mậ mậ gi nệng dủk chỏk. ĭng-ỏi Ĩ cộ ô sậ gi-dẻk gi dái, gỏ-chữ ô sậ nệng sẻng Ĩ. Nậ cī siõh bẻng gi nệng ng ộh Gả-lẻ-lẻ gựng Ĩ gi nệng hiỏng-uằng cỉong-sẻng sẻng ciā Ià-Sū. Ià-Sū gậng Nậ-gỏ-di-mủ sủ lậng gi độ cệu sẻ Sẻng-Gẻng hữ-diẻ tầu huòi sủ gẻ-cái gi, iậ sẻ Hók-ĭng dẻng-gẻng cẻng kộ iẻu-gẻng gi độ-lĩ.

GỄNG-DẬ-MỄK. Nguài sẻk-cái gậng nữ gỏng, nệng nậ muòi cái-sẻng cệu mậ giẻng Siỏng-Dậ guỏk. (Ih. 3: 3.)

Sẻng-Gẻng lõh bẻng lậ tẻk. (Ih. 3: 1—21.)

Sẻng-Gẻng Nĩk Kuó.

Bái-ẻk. Ih. 2: 13—22.

Bái-sẻ Ih. 3: 9—21.

Bái-nẻ. Mi. 3, cỉong.

Bái-ngỏ. Isg. 36: 21—38.

Bái-sẻng. Ih. 2: 23—3: 8.

Bái-lẻk. Li. 31: 31—40.

Lậ-bái nĩk. Bd. 1: 3—12.

VII KUÓ-GAI. Lâung Ià-Sū Táu Huòi Cộ Gẻng-hữ, Liẻng Ĩ Tầu Huòi Gáu-hỏng.

Ự-uỏk-cáik buỏh gáu si-hâu, Ià-Sū dái Ĩ muỏng-sẻng siỏng Ià-lô-sák-lēng, Ĩ sủ huằng-hĩ gi dẻ-huỏng

cêu sê Séng-dâing, Siông-Dá sū gũ-cêu gi sū-câi. Cêu diē Séng-dâing ê-băng-ing sū, cêu sê běk guók neng gi sū-câi, (giéng sèng-dâu Séng-dâing gi dù), Ĩ sīng-diē dīng kū, ینگ-ôi diōh Séng-dâing cī siōh bēng ô ngu, iòng gi lạng lieng bǎh-gák lêng, neng lā mā mậ ngu, iòng gâeng bǎh-gák, ệu-bê duai cáik sǎi-ệung; hū siōh bēng sê uâng neng cieng gi sū-câi. Iả-Sủ cêu sǎi sớh-giăng có bieng, ciòng ngu, iòng dũk chók, lieng tiăng dō uâng cieng neng gi dộh, bô gâeng mậ bǎh-gák gi neng gōng, cī sậ nộh dũ diōh buăng chók, ng tềng sǎi Nguai Hô gi dâing bieng có mā mậ gi sū-câi.

Iả-Sủ gó ô buōng-hông bī ciā giék-ciăng Séng-dâing gi buōng-hông gǎing duai, cêu sê Ĩ buóh sǎi nú-neng gi sīng táh-gáik. Dōng Nạ-gỗ-dī-mū gâeng Iả-Sủ gōng-uâ si-hâiu, Iả-Sủ gōng, neng nâ muoi cái-sǎng cêu mậ giéng Siông-Dá guók. Ĩ gi é-sêu cêu sê ọi ciòng neng ọi huâng-côi gi sīng gǎi-uâng có huăng-hī táh-gáik gi sīng. Nâ ng sê Séng-Sing gi neng-lík neng cêu mọ-dǎng-dōng dụ kộ cê-gǎ gi côi, siăng có uòng-ciòng gi neng. Gó-chū Iả-Sủ gâeng Nạ-gỗ-dī-mū sū lăung iéu-gīng gi dộ-lī, cêu sê gá nú-gáuk-neng diōh dīk-táu tẹk mọ iéng. Neng iả gǎi-dōng cáng-mī Siông-Dá, ینگ Ĩ ô kộ-lêng sié-gǎng gi neng, sǎi huăng séng Ĩ gi neng mậ gáu tít-lung, dék-dék dáik ینگ-seng.

Ũng-sĭk Gì Muóng.

1. Dậ ék cháh sǎng kuó dŭng-gǎng sū lǎung gì sê sié-nóh? Dậ nê cháh sǎng kuó dŭng-gǎng sū lǎung gì sê sié-nóh? 2. Lộ siông kuó sū lǎung gì dâi diôh Iók-dáng ọ biêng ô niôh-ông? 3. Lộ ciā sé nĭk gì tàu nĭk ô diê neng lĭ Ià-lô-sák-lēng gáu siē-sǎ-lā Iók-hâng lā, bọ sié-nóh séng? 4. Iók-hâng ciông-iông lǎung ĩ cê-gǎ? 5. ĩ ciông-iông lǎung Ià-Sū? 6. Sé nĭk gì dậ nê nĭk ngêu diôh sié-nóh dâi? 7. Iók-hâng ciông-iông hiêu-dék Ià-Sū sê Siông-Dạ Cũ? 8. Dậ sǎng nĭk ô diê-neng gŭng Ià-Sū có muông-seng? Ciông-iông gŭng ĩ? 9. Dậ nê nĭk bô ô diê neng gŭng Ià-Sū, ciông-iông gŭng ĩ? 10. Ià-Sū tàu siôh iông gì sĭng-cék sê sié-nóh, diôh dĕng-nē có? Ciā sĭng-cék lộ ĩ gì muông-seng ô sié-nóh iáh? 11. Buông kuó lǎung sié-nóh? Sié-nóh Gĭng-dạ-mĕk?

I DĀUNG. Tàu Siôh Huoi Siũ-lĭ Séng-dǎing.

Ih. 2: 13—22.

1. Ià-Sū iù Giǎ-báik-nung kó dĕng-nē? (Ih. 2: 13; giéng dậ 3 kuó 18 ció-gāi.)

2. ĩ lộ cĕung-neng méng-seng tàu siôh huoi có sié-nóh? (Ih. 2: 14—16. Sũk ciā dâi.)

30 CIÓ-GĀI. Sū-ĩ lộ Séng-dǎing lā mậ tàu-sǎng, cĕu sê ĩng-ôi hióng-cié sǎi-ệung. Cuoi sê iù cié-sĭ-diông cŭng ĩ-gáuk-neng, ĩ-gáuk-neng ciáh ô gǎng diē kó, ĩng cié-sĭ-diông iâ ô buông mậ mậ sū tĕng gì cieng; uâng cieng gì neng iâ sê ĩng ciā iông-gó, gó-chũ ô gǎng lộ dǎing-diē uâng cieng sǎi neng ậ biêng-ék nǎk suoi, cĕu sê nǎk Séng-dǎing gì suoi.

3. Iù-tái neng ĩng Ià-Sū sū có gì dâi cĕu gǎeng ĩ gōng sié-nóh? (Ih. 2: 18.)

31 CIÓ-GĀI. Hiēng s̄ng-cék k̄euk ĩ-gáuk-n̄ng káng, c̄u s̄ s̄ai ĩ-gáuk-n̄ng d̄aik b̄ng-ḡeū Ià-Sū s̄ik s̄e Siōng-D̄a sū ch̄a-kiēng ḡi.

4. Ĩ ciōng-iōng d̄ak-éng ĩ-gáuk-n̄ng? (Ih. 2: 19.)

5. Ĩ gōng ciā uā s̄e c̄i sié-n̄h d̄aing? (Ih. 2: 21.)

6. Ĩ-h̄aiu Ĩ ḡi siù-d̄ik miéh-n̄h s̄i-h̄aiu liēng ciōng-iōng c̄i ciā d̄aing? (Mt. 26: 61; 27: 40.)

II DĀUNG. Ḡaeng N̄a-ḡo-d̄i-mū L̄aung D̄o.

Ih. 2: 23—3: 21.

32 CIÓ-GĀI. Iók-h̄ang d̄a n̄e ciōng muōi s̄ang ciék s̄e ḡaeng d̄a s̄ang ciōng s̄ōng-liēng. C̄i l̄ang ôi-ch̄eū d̄ai-liók s̄e l̄aung Ià-Sū l̄oh Ià-l̄o-sák-l̄ēng diōng d̄o duāi d̄aik-l̄ik ḡi d̄ai, liēng ĩng chók Ĩ ḡaeng N̄a-ḡo-d̄i-mū d̄ang-l̄aung ḡi c̄ing-h̄ing.

7. Ià-Sū d̄ōng ciā s̄i-h̄aiu diōh Ià-l̄o-sák-l̄ēng sū c̄o ḡi d̄ai-kái ô sié-n̄h ḡung-h̄au? (Ih. 2: 23—25.)

8. Ô diē n̄ng m̄ang-buō s̄i-h̄aiu l̄i giēng Ià-Sū, ĩng-ôi sié-n̄h òng-gó l̄i? (Ih. 3: 1, 2.)

9. Ià-Sū ḡaeng ĩ gōng sié-n̄h? (Ih. 3: 3, 5; b̄o ḡing-d̄a-m̄ek.)

10. N̄a-ḡo-d̄i-mū ậ m̄ing-b̄ek ciā d̄o-l̄i m̄a? (Ih. 3: 9.)

11. Ià-Sū ciōng-iông céng chók ciā lī? (Ih. 3: 11.)

12. Ī bô gōng sěng diōh ngēu sié-nóh, hâu neng ciáh ậ dáik-géu? (Ih. 3: 14, 15.)

13. Siông-Dá ciōng-gì sài Ī giāng gáung-sié? (Ih. 3: 16, 17.)

14. Nù neng nâ ng séng Ià-Sū ô sié-nóh sák-guōh? (Ih. 3: 18, 19.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

15. Ià-Sū sèng gūi-nieng kó siū Ừ-uők-cáik gì dâi, nū ậ gé dék niōh-uâi?

16. Nù neng diōh ciōng-iông gé-nieng Siông-Dá gì dâing, nguâi neng lōh lă-bái-dòng lieng cộ gǐng-cặ gì sî-hâu diōh ô sǎng-miéh-sék gì hêng-ùì?

17. Ià-Sū cộ sié-nóh sìng-cék hiēng-mìng Ī cǐng sê sié-gǎng gì Géu-Ciō? (1 G. 15: 13, Lg. 24: 1—9.)

18. Ià-Sū gōng cái-sǎng sê sié-nóh é-séu?

19. Nguāi-nèng éng-găi ciōng-iông huói-găi ciáh ậ dáiik cái-sǎng gì sǐng?

20. Nguāi-nèng diōh ciōng-iông gì-dō ciáh ậ dáiik siá cội gâeng cái-sǎng? (Chiāng buôi Sp. 51: 1, 2, 10.)

33 CIÓ-GĀI. Nù-gáuk-nèng iōk-sū cǐng-cǐng ô tá cê-gă gì cội kũ, bô géng-ái hũk-sệu nguāi Ciō Ià-Sũ Gĩ-Dók nù-gáuk-nèng cêu ậ dáiik cái-sǎng. Siông-Dạ cêng huǎng-hī buō nù-gáuk-nèng gì kuók-huǎk.

21. Ciōng-gì Ih. 3: 16, sáung sê Séng-Gǐng dǔng-gǎng dạ ék cóng gì ciék? Chiāng buôi cī siōh ciék.

Séng-gǐng Gì Muóng.

1. Iù-tái nèng tàu siōh ciáh gì Séng-dâing sê sié-nộh? (C. 26: 1.)

2. Ciā dâing kī diōh dệng-nệ? (1Ld. 21: 29; C. 35:—40: ciòng.)

3. Chiāng sũk ciā dâi? (Hbl. 9: 2—5.)

34 CIÓ-GĀI. Ī-sáik-liěk nèng diōh kuōng-iā sū sái gì dióng-bùng gâeng Ià-lô-sák-lēng Séng-dâing diē-sié dâi-liők sǒng-dùng. Giéng sèng-dâu Séng-dâing gì dù 1, 2, 3, 4.

4. Báh-sáng diōng kộ Giǎ-nàng ĩ-hâiu ô diē nèng buóh kī siōh cội Séng-dâing? (1 Ld. 28: 2.)

5. Ciōng-gì ng cūng ĩ kī? (1 Ld. 28: 3.)

6. Diê nệng ĩ-hâu kī ciā dāing? (1 L. 6: 1; 7: 51.)

7. Kī ciā dāing gì-dững ô siōh iōng gì-dẻk gì huák-dô sê sié-nộh? (1 L. 6: 7. Cái tẻk 5, 6, 7 ciōng cêu hiêu-dẻk ciā dāing dẻk niōh-uài ciềng, niōh-uài huà-lậ.)

8. Ciā dāing lộh sié-nộh sì-hâu kẻuk diê nệng hủi kớ? (2 L. 25: 8, 9.)

9. Sié-nộh sì-hâu bô kī? (Isl. 6: 14, 15.)

10. Lộh Ià-Sủ hiā sì-huài Hỉ-lủk sái niōh-òng cái kī ciā dāing? (Ih. 2: 20.)

DẬ VIII KUÓ.

Lâung Ià-Sủ Diōh Iù-tái Liềng Sák-mā-lé-ā.

Ih. 3: 22—4: 42.

35 CIÓ-GĀI. Ià-Sủ gậng Nậ-gỗ-dĩ-mũ gōng độ ĩ-hâu cêu gáu Iù-tái. Buōng kuó sủ lâung sê bấu-guák Ià-Sủ diōh Iù-tái gậng Sák-mā-lé-ā lầng nỉk dững-gặng sủ cớ gì dái. ĩ cĩ siōh huòi diōh Iù-tái sủ cớ gì dái Sẻng-Gẻng cềng gặng-sặng gẻ, nậ cệu ciā sì-hâu kī Ià-Sủ siềng-siềng lộh duài-cẻung mẻng-sẻng sẻng gōng, sái Iù-tái nệng chẻng hiêu-dẻk ĩ sủ cớ gì sê

sǎng-miéh-sék, gó-chū Iù-tái neng gáu muōi bô iéng-ké Ià-Sū, eī lā côi mò-dǎng-dǒng siá dék kó. Ī-hâ gì ciōng ciék sǎi nù-neng ậ hiêu-dék Ià-Sū ciā si-hâiu ô sié-nộh neng cộ bèng-iū. (Mt. 26: 17—19; Mk. 1: 1—6; Lg. 23: 50—53; Ih. 11: 15.)

GĪNG-DẠ-MỆK. Si-hâiu buóh gáu, dǎng cêu sê, cǐng-cǐng bái Ī gì neng, dék-dék ệung sĭk-sĭng sĭk-é bái Tiềng-Hô: ĩng Tiềng-Hô ói đĭk ciōng-uâng gì neng bái Ī. Siông-Dạ sê Sìng: neng bái Ī dék-diòh ệung sĭk-sĭng sĭk-é bái Ī. (Ih. 4: 23—24.)

Séng-Gĭng lộh bǎng lậ tặk. (Ih. 3: 22—36.)

Séng-Gĭng Nĭk Kuó.

Bái-ék. Ih. 3: 22—36.

Bái-sé Ih. 4: 27—42.

Bái-nê. Ih. 4: 1—15.

Bái-ngô. Isa. 52: 1—10.

Bái-sǎng. Ih. 4: 16—26.

Bái-lặk. Isa. 55, cìong.

Lậ-bái nĭk. Sp. 103, cìong.

VIII KUÓ-GĀI. Lâung Sềng-mềng Gi Cui.

Ià-Sū, gǎeng Nạ-gỗ-dī-mū lâung độ ĩ-hâiu mò-niòh-òng, cêu liê Ià-lô-sák-lềng lộh Iù-tái sềng dêu ô gūi gā nguốk nĭk. Ô sậ báh-sáng li Ī lậ, Ī muòng-sềng cêu tá ĩ-gáuk-nềng siề sậ-lậ, Ī-hâiu ô nềng dó-gê Ià-Sū, gó-chū cêu lộh siề-sậ-lậ Iók-hâng mềng-sềng nghiề-lâung Ī, nâ Iók-hâng huāng cềng lĭk cềng-giềng Ī sê Gĭ-Dók. Ī-hâiu bô ô Huák-lé-suói nềng dó-gê liềng buóh páek-hâi Ī, nâ Ià-Sū ĩng ciā si-hâiu ng ói gǎeng ĩ biềng-lâung, bô ĩng tiǎng-giềng siề-sậ-lậ Iók-hâng kộuk Hĭ-lặk uòng niǎh guồng gǎng lậ, gó-chū cêu liê Iù-tái kộ Gǎ-lé-lé. Dǒng Ī tềng Sák-mā-lé-ā Sệu-gǎ siǎng gĭng-guó si-hâiu, cêu sội lộh Ngā-gáuk gi cǎng-biềng hiók, giềng-gáek chói kák bô sĭng-kū. Ô siòh-ciáh Sák-mā-lé-ā gi cộ-niòng-nềng iù siǎng-diề chók li chiông cui, Ià-Sū cêu muòng ĩ tộ cui siǎh. Ciā cộ-niòng-nềng ng kĭng, ĩng-ôi Iù-tái nềng gǎeng

Sák-mā-lé-ā neng gūi báh nieng ī-lái ô giék uông-siù, gó-chū Iù-tái neng nâ iù-lik gáu ciā ôi-chéu, chūi-iông chói cêng kák iâ dō-dék-dō ng kīng muóng Sák-mā-lé-ā neng tō cūi siāh. Ī-hāiu Ià-Sū gāeng ciā cū-niông-neng lāung ciā uāk-cūi, cī lā uāk-cūi cêu sê Ià-Sū gi dō-lī, lieng cing gi hī-lōk sêu kéuk huáng giú Ī gi neng. Ià-Sū bô gāeng ciā cū-niông-neng gōng, diōh ciông-iông gég bái Siông-Dá, ciā cū-niông-neng cêu gōng, “Nguai hiêu-dék Mī-Suói-Ā buóh li lō;” Ià-Sū gāeng ĩ gōng, “Nguai cêu sê Mī-Suói-Ā.” Ciā cū-niông-neng séng Ià-Sū gi uâ, cêu ciông cūi bing bóng hū-uái, gāng-gīng bié diē siang kô gāeng ĩ su bák gi neng gōng, ĩ diōh cāng bieng sū giéng diōh gi Gī-Dók, Gó-chū ô cêng sâ neng séng Ī sê sié-gāug neng gi Gáu-Chō. Ià-Sū gāeng ĩ-gáuk-neng siōh-dôi lāng nik ī-hāiu cêu kô Gă-lé-lé.

Ũng-sik Gi Muóng.

1. Lōh cī sǎng cháh hū-diē gáuk kuó dǔng-gǎng lāung Ià-Sū có sié-nōh dái? 2. Sèng siōh kuó lāung sié-nōh? 3. Ià-Sū gāeng muóng-sèng ĩng-ôi sié-nōh dái siông Ià-lô-sák-lēng? 4. Ià-Sū diē Séng-dāing káng-giéng sié-nōh? 5. Ī có sié-nōh? 6. Diē neng cǎ-muóng ĩ? 7. Ī ciông-iông dák-éng? 8. Ī diōh Ià-lô-sák-lēng diông dō dái-liōk ô sié-nōh gūng-hāu? 9. Diē-neng mǎng-buō sī-hāiu lì tiāng Ī gáu-hóng? 10. Ià-Sū gāeng ĩ gōng diōh sǎng-miéh-sék ciáh ă giéng Siông-Dá guók? 11. Chiāng buôi Séng-Gīng lă dâ ék hō gi ciék. 12. Būng kuó lāung sié-nōh? 12. Sié-nōh gīng-dà-měk?

I DĀUNG. Lōh Iù-tái Diông Dō Lieng Siē Să-lă.

Ih. 3: 22—36.

1. Duâi cáik ĩ-hâiu Ià-Sũ gâeng muông-sêng cà kó dặng-nē, có sié-nộh? (Ih. 3: 22; 4: 2.)

2. Lộh ciā sì-hâiu diông độ ô sié-nộh gũng-hâu? (Ih. 3: 26; 4: 1.)

3. Siē-sā-lā Iók-hâng tiăng-giêng Ià-Sũ gì dâi cêu gông sié-nộh? (Ih. 3: 27, 30.)

II DÂUNG. Lộh Sák-mā-lé-ā Diông Độ Lâng Nĩk.
Ih. 4: 1—42.

4. ĩ-hâiu Ià-Sũ diông kó dặng-nē? (Ih. 4: 3.)

5. Ià-Sũ ciông-gì hiók Ngā-gáuk cāng biêng? (Ih. 4: 56.)

36 CIÓ-GĀI. Ngā-gáuk gì cāng gáu dǎng gó diõh lā, iók-liõk ô Dũng-guók dâung 36 dâung chĩng, 8 dâung kuák, diē-sié dũ sē chũ siõh liē gì.

6. ĩ gì muông-sêng kó dặng-nē? (Ih. 4: 8.)

7. Ô diē-nệng lì cāng biêng, Ià-Sũ muóng ĩ sié-nộh? (Ih. 4: 7.)

8. ĩ éng sié-nộh? (Ih. 4: 9.)

9. Ià-Sũ bô gâeng ĩ ciông-iông gông? (Ih. 4: 10.)

10. Ciā cŭ-niòng-nệng ciồng-iông hiêng chók ĩ chấuk-ngáuk gì iông-sék? (Ih. 4: 11, 12.)

11. Ià-Sũ ciồng-iông gā-siók? (Ih. 4: 13, 14.)

12. Ciā cŭ-niòng-nệng gōng miéh-nộh uâ? (Ih. 4: 15.)

13. Ī biêng-lâung sié-nộh uâ, Ià-Sũ ciồng-iông éng ĩ? (Ih. 4: 19—24.) Chiāng sũk ciā dâi.

14. Ià-Sũ ciồng-iông sâi ciā cŭ-niòng-nệng ậ báik Ī? (Ih. 4: 25, 26.)

15. Ciā cŭ-niòng-nệng gâeng Ià-Sũ lâung uòng cêu ciồng-iông có. (Ih. 4: 28, 29.)

16. Ô sié-nộh gŭng-hâu? (Ih. 4: 30.)

17. Dõng ciā sî-hâu Ià-Sũ gâeng muòng-sẻng lâung sié-nộh dâi? (Ih. 4: 31—38. Chiāng sũk ciā dâi.

18. Ià-Sū lōh Sēu-gă diòng dō ô sié-nōh gŭng-hâu? (Ih. 4: 39—42.)

Gáu-hóng Cūng Muóng.

19. Buōng kuó sū lāung hiēng-mìng siē-sā-lā Iók-hâng ciōng-iōng còng-sing dāi Ià-Sū?

20. Iók-hâng gōng, “Huàng séng Giāng gì neng ô ĩng-sēng,” sē sié-nōh é-sēu? (Ih. 3: 36.)

21. Ià-Sū sē Iù-tái neng ciōng-gì huāng Iù-tái gì giē-gū ĩ gāeng Sák-mā-lé-ā neng tō cūi siāh?

22. Ià-Sū gōng uāk-cūi sē sié-nōh é-sēu? Ĩ buōh kēk sié-nōh bāh-bāh sēu kēuk neng? (Ih. 7: 37.)

23. Lōh Isa. 55: 1, sū lāung gì gāeng cī siōh ciáh ô sié-nōh sōng-chiōng? Ms. 22: 17, lāung sié-nōh?

Séng-ging Gì Muóng.

Sé Hók-ĭng Gì Muóng.

1. Lōh diē siōh buōng cū diē siōh ciōng lāung Ià-Sū kī-tàu sū ciēu gì muòng-sēng?

2. Diê ôi-chéu ô lăung Ĩ tàu huoi hêng sĭng-cék gì dâi?
3. Iók-hâng dạ nê ciông ô lăung Ià-Sũ diê lăng iông gì dâi?
4. Lỗh diê siôh buông cũ lă ô lăung Ià-Sũ gâeng Nà-gỗ-dĩ-mũ gông độ gì dâi?
5. Ià-Sũ đổng sĕk-nê huoi sĭ-hâu siông Ià-lô-sák-lêng gì dâi cái lỗh sié-nộh cũ?
6. Mā-tái dạ nê ciông ô lăung Ià-Sũ diê lăng iông gì dâi?
7. Lỗh Mā-tái cũ diê siôh ciông lăung Ià-Sũ sêu ché gì dâi?
8. Iù tàu kuó gáu buông kuó ô tì Iù-tái guók hũ-diê gũi ciáh đê-huông gì miàng?
9. Chiăng káng sêng-dâu dù lă bĭ chók lĭ, liêng sũk lỗh gáuk-đê-huông sũ có gì dâi?

DẬ IX KUÓ.

Ũng-sĭk. Lăung Siêu-ĭng. Ệu-bê Ià-Sũ Gáung-sĕng. Kĩ-chiũ Diông Độ.

(Dậ ék cháh cé dậ sǎng cháh.)

GĨNG-DẬ-MỆK. Căi cā Siông-Dậ ệung ô sậ huông-huák táuk cệung siêng-dĩ, lỗh gáuk buông gì cũ, gâeng nguāi cữ-cũng gông, đăng đổng ciā muăk-sié, cêu táuk Ĩ Giăng gâeng nguāi-gáuk-nệng gông; Siông-Dậ lĭk Ĩ Giăng có uâng-ũk gì Ciō, kĩ-sũ iả sê Ĩ cháung-cộ tiềng đê. (Hbl. 1: 1, 2.)

Ũng Gĩng-Dạ-Mặk.

1. Gáu gĩ Siông-Dạ buóh chặ-kiēng diê-nềng géu nềng tuák-liê côi-áuk liềng sī-uòng? (Gl. 4: 4, 5.) Chiāng buôi ĩ-hâ gáuk muóng Ség-Gĩng ciék.

2. Iók-hāng ciōng-iōng gā-siók cệu-iū gì Sìng, liềng Ià-Sū táuk sīng gáung sié gì dái? (Ih. 1: 1, 14.)

3. Lô-gā ciōng-iōng gā-siók Ià-Sū có niê-giāng gì dái? (Lg. 2: 40.)

4. Siē-sā-lạ Iók-hāng ciōng-iōng ciōng ĩ buōng-sīng liềng ĩ sū có gì gặng-hủ gặng Ià-Sū liềng ĩ sū có gì gặng-hủ bī-piāng? (Mt. 3: 11.)

5. Ià-Sū sêu sā-lạ ĩ-hāiu tiềng lạ ciōng-iōng céng-giềng ĩ sê Mī-Suói-Ā. (Mk. 1: 10, 11.)

6. Iók-hāng ciōng-iōng céng-giềng Ià-Sū sê gặ-dōng lị gì Mī-Suói-Ā, liềng sié-gặng nềng gì Géu-Ciō? (Ih. 1: 29.)

7. Ià-Sū gặng Nạ-gặ-dĩ-mū lāung sié-nộh duài cĩng-lĩ? (Ih. 3: 3.)

8. Ià-Sū kặk sié-nộh cĩng-li liềng gặng báí Siông-Dạ gì độ-lĩ gōng kặk ciā Sák-mā-lé-ā cũ-niòng-nềng tiềng? (Ih. 4: 23, 24.)

Siēu-Īng

Chiāng ciōng lāung Gĩ-Dók gì-dặng iéu-gĩng gì ệu-ngiòng siā lặh â-dạ sū cái gì Ség-Gĩng ciék êu-bềng: siā uộh gặng uộh hộ. Ệung gặng-sāng gì huák éng, ĩ-dé ậ hiêu-dék sū muóng gì dái sê sié-nộh é-sệu, chiông â-dạ lāng-ciék gì é-sệu.

Cs. 3: 14, 15. Ciā cũ-niòng-nềng gì hāiu-iô buóh siōng lāu-siề gì tàu.

Cs. 12: 1—3. Tiềng-ậ uāng mìnng buóh ĩng Ā-báik-lặk-hāng dáik hók.

Sm. 18: 17—19.

2 S. 7: 12—17.

Sp. 45: 1—8; 72: 1—11.

Isa. 53: 4—9.

2. Chiāng sūk sǎng iōng gì dâi, céng mǐng sié-gǎng ciōng-iōng êu-bê Ià-Sū gáung-sǝng? (Hldi. 4, 5, 6.)

3. Lǝh diê sé-buōng cũ lǎ, ô gé Ià-Sū câi sié sū có gì dâi? Sūk gáuk buōng cũ lǎ dâi-liǝk gì cìng-hìng.

Dậ Ēk Cháh Gì Muóng.

4. Muôi ô sié-gǎng ĩ-sèng Ià-Sū gǎeng diê-nèng siǝh-dǝi, diǝh dǝng-nē? Ĩ ô có sié-nǝh sǝng-lǝng gì gǝng-hũ? (Ih. 1: 3.)

5. Cĩ gũi kuó ciōng-iōng lǎung Ià-Sū câi sié tǎu siǝh cǝk sū có gì dâi?

6. Chiāng gǎng-sǎng sūk ĩ-hâ sū gé iéu-gīng gì dâi.

Lg. 2: 1—20.

Lg. 2: 22—39.

Mt. 2: 1—12.

Mt. 2: 13—23.

Lg. 2: 40—50.

Lg. 2: 51, 52.

7. Chiāng sŭk Ià-Sŭ gáung-sĕng gì dái, Ĭ ô diê lāng iōng gì sĕng?

8. Ià-Sŭ sĕk-nê hŭoi sî-hâu gōng sié-nŭh hiēng-mìng Ĭ sê sŭk diōh Siōng-Dá? Sŭk Ià-Sŭ cŏ sá sî-hâu sŭ cŏ ék-chiék gì dái.

Dậ Nê Cháh Gì Muóng.

9. Cī gŭi kuó ciōng-iōng lāung Ià-Sŭ cái sié dậ nê cĕk sŭ cŏ gì dái?

10. Chiāng gāng-sāng sŭk ĩ-hâ sŭ gé iéu-gīng gì dái.

Mt. 3: 1—12.

Mt. 3: 13—17.

Mt. 4: 1—11.

Ih. 1: 19—28.

Ih. 1: 29—34.

Ih. 1: 35—42.

Ih. 1: 43—51.

Ih. 2: 1—11

Ih. 2: 12.

11. Diê-neng ciông Mī-Suói-Ā buóh ì sié-gǎng gì dâi gâeng báh-sáng háng? Ĩ-gáuk-neng tiǎng ciā uâ giéng sǎng-miéh-sék?

12. Ià-Sū sêu sǎ-lă sî-hâiu ngêu diôh sié-nóh dâi? Chiāng sŭk Ià-Sū sǎng iông gì ché-liêng.

13. Siě-sǎ-lă Iók-hâng ciông-iông cī mǐng Ià-Sū? Diê-neng sê Ià-Sū tâu ngô ciáh gì muông-sêng?

Dậ Sǎng Cháh Gì Muóng.

14. Cī gūi kuó ciông-iông lăung Ià-Sū cái sié dậ sǎng cêk sū có gì dâi?

15. Chiāng sŭk ĩ-hâ sū cái iéu-gīng gì dâi?

Ih. 2: 13—22.

Ih. 3: 1—21.

Ih. 3: 22, 4: 1, 2.

Ih. 3: 23—36.

Ih. 4: 1—42.

16. Ià-Sū gâeng Nà-gô-dī-mū lăung sié-nóh độ-lī. Séng-Gǐng hŭ-diē diē siôh ciék sáung sê dậ êk hō gì ciék?

17. Ià-Sū ciōng-gì liê Iù-tái kó Gă-lé-lé? Ià-Sū diōh Iù-tái diōng độ ciōng-iōng dáik lĭk?

18. Ià-Sū ciōng-iōng hiēng-mìng Ĩ cê-gă lōh Sák-mā-lé-ā cŭ-niōng-nèng lā? Ĩ ciōng-iōng lāung géng-bái gì dāi? Ciōng-iōng lāung Siōng-Dá?

Ũng-sĭk Gì Muóng.

19. Chiāng uâ siōh tiōng dê dù, ciōng Ià-Sū sū gáu gì dê miàng siā chók, liēng ciōng Ĩ lōh gáu k dê-huōng sū cộ gì dāi, gáu buōng kuó cī, ciéu chéu-séu gāng-sāng sŭk chók. Chiāng lēng-nguôi uâ liēng siā chók.

20. Nū sū tĕk cī sậ kuó dŭng-gāng, diē siōh kuó lōh nū lā dậ ék ô ê? Diē siōh iōng gì dậ ék iáh nū?

21. Ciōng Sĭng-Iók, Gô-Iók hŭ diē gáu k buōng gāng-siā gì cŭ miàng siā chók.

22. Gă-lé-lé hāi lōh Séng-Gĭng hŭ-diē gó ô miàng sié-nộh? Sĭ-hāi gó ô miàng sié-nộh?

23. Ià-Sū lōh Séng-Gĭng hŭ-diē gó ô miàng sié-nộh? Cī sậ miàng dŭng-gāng nū dậ ék dĕung-é diē siōh miàng? Ciōng-gì dĕung-é cī siōh miàng?

HÔ-LIÖH DĚK-ĪEU.

DẬ I KUÓ CIÓ-GĀI.

DẬ I DĀUNG.

Lâung Sié-gǎng Lĭk-dôi Ciöng-iöng Ēu-bê Ià-Sũ Gáung-sěng.

DẬ I. Sěng-Gǐng sũ cái gì duài-é cêu sê lâung Ià-Sũ sũk-côi gì dái. Nù-nềng hiềng-cái kī-chiũ tẹk Ià-Sũ gì dái, cêu Ī gáung-sěng ék-dĭk gáu sǐng tiềng gì sĭ-hâu, gì-dũng ék-chiék gì dái dũ diöih sá-sǐng kó tẹk, cêu ậ mǐng-bẻk Ī có nềng sǎng-miềh-sẻk, liềng Ī sũ có gì dái sǎng-niöih-iöng, iả gǎi-dồng cả chák sié-gǎng ciöng-iöng Ēu-bê lă dǐng Ī gáung-sěng gì nĭk-cī.

DẬ 2. Lợh cháung-cộ tiềng, dê, uâng-ũk gì dái, Siöng-Dạ ô pō-pō hiềng-mǐng Ī gì dé-hiê, guöng-báng, ìng-iêu, nả lợh Gĩ-Dók lă Siöng-Dạ cêu sẻk-ciöng hiềng-mǐng Ī gì ciöng-dáik. Siöng-Dạ sũ cháung-cộ gì sié-gǎng buöng-lài sê ciöng hō, nả cêu côi-áuk lă kī ĩ-hâu, sié-gǎng cêu ô sĭ-uöng liềng gáuk dềng gì bǎng-tiáng.

Dậ 3. Döng-sì Siöng-Dạ lợh Aĩ-diềng huöng tàu siöih huòi éng-hũ göng, hâu-lài dék-dék ô siöih gā nềng ậ iàng guó côi-áuk. ĩ-hâu sủi-sủ dũ ô éng-hũ, sũ göng gì uả chũi-iöng mậ dềng, nả Ī gì é-sẻu dũ siöih-iöng. Nềng nả kĭng sá-sǐng cả-kộ Gô-Iók cêu hiều-dék gáuk ciék sũ Ēu-ngiöng Ià-Sũ gáung-sěng gì dái dũ sê sĭk. Dậ ék kuó hũ-diê sũ cái gũi huòi gì Ēu-ngiöng ậ có dék nù-nềng siöih-buô siöih-buô gì diô-géng.

Dậ 4. Tiềng-ả uâng-guók gì nềng sũ-ĩ ậ kộ bái ciả gā-sǐng ngēu-chiöng, dũ sê ìng kẹuk côi-áuk ìng-iũ. Siöng-Dạ gó muôi chặkiềng Géu-Sié-Ciō lĭ sié-gǎng ĩ-sẻng, gǎi-dồng diöih sẻng Ēu-bê siöih guók gì bǎh-sǎng ậ kĭng sẻng, cụng, géng-bái Ī. Cêu A-báik-lăk-hǎng kī gáu Ī-sáik-liẻk bǎh-sǎng sêu niảh cī, Siöng-Dạ dĭk-tàu gá-dộ ciả Ī-sáik-liẻk gì bǎh-sǎng, é-sẻu cêu sê ọi gēng-söng ĩ-gáuk-nềng. Siöng-Dạ chũi-iöng ciöng-uâng gǎeng Ī bǎh-sǎng lài-uöng, nả ĩ-gáuk-nềng ìng-nguöng bái ciả ngēu-chiöng, ng kĭng huòi-tàu, dĭk-tàu dǐng gáu sêu niảh kộ Bả-bĩ-lùng chẻk-sẻk niềng hâu, ciả bǎh-sǎng ciảh ậ hiều-dék nả bái Iả-Huò-Huả có ĩ gì Siöng-Dạ. Siöng-Dạ gì buöng-é ng sê ọi nả Ī-sáik-liẻk nềng bái Ī, sê ọi iù Ī-sáik-liẻk nềng sǎng kộ gáuk guók, ậ sái gáuk guók gì nềng iả ậ bái Siöng-Dạ, ĩ-dé Ēu-bê Ī Giǎng gáung-sẻng sié-gǎng.

DẬ 5. Ới sài Hók-ĭng piêng-diòng lợh tiêng-â gáuk chệu, iéu-gīng diồh sềng ô siồh gā tưng-hềng gì uâ-ngũ. Gó-chũ Siông-Dạ cêu cā-cā ệu-bê Hĩ-lé-nà guók gì ùng-cê sài ĩ ậ đéung có diòng Hók-ĭng gì sài-ệung. Dồng Ià-Sũ muôi gáung-sềng sảng báh siông niềng sềng, Hĩ-lé-nà guók-uòng, miàng A-lĩk-sảng-dái, gảeng gáuk guók gầu-ciềng duai dái k iàng; ĩ-haiu Hĩ-lé-nà gì ngiòng-ngũ ùng-cê cêu ậ tưng-hềng lợh sũ dái k-sềng gì gáuk guók. Hĩ-báik-lài ùng-cê gì Gô-Iók Sềng-Gĩng iả báik-cềng cêu huảng-ĩk lả Hĩ-lé-nà gì ùng-cê, ợh ciòng-uảng Hók-ĭng gì độ-lĩ cêu ậ diòng gáu tiêng-â gáuk đê-huồng.

DẬ 6. Ià-Sũ gáung-sềng si-haiu, huàng sié-gảng ô gáu-huá gì guók đũ sê tái-bing, gửi Lò-mả uòng Gải-sá k A-gũ-sệu-dók guảng-lĩ. Hiả si-haiu Lò-mả guók cêu kũ duai diồ, ậ tưng gáuk guók, ệu-bê kệuk bing chók ĩk sài-ệung; huàng Hĩ-lé-nà gì tẻk-cũ nềng, gảeng Iù-tái có sềng-é gì nềng, Lò-mả gì bing, ĩ-gĩk đing mi-ciềng gáuk lài-uòng gì nềng, Lò-mả guók-gả đũ cềng lĩk tá ĩ bộ-hồ, cuoi sê hồ gì gĩ-huoi piêng-diòng Hók-ĭng kệuk gáuk chệu gì nềng tiảng. Iỏk-sũ hũ siồh si gáuk guók nả gầu-ciềng, cả siông hiềng-hảung, mồ lài-uòng, Hók-ĭng cêu mồ-dảng-dồng guồng-diòng lợh gáuk chệu. Iù ciòng-uảng kảng kĩ lĩ, cêu ậ hiều-dẻk Siông-Dạ gì cĩ-é sê sảng-miềh-sẻk.

DẬ 7. Dồng Ià-Sũ diòng-độ si-haiu, báh-sảng đũng-gảng iéu-gīng gì ô sảng-cũk, siồh ả sê Iù-tái cũk, cêu sê Hĩ-báik-lài cũk, siồh ả sê Hĩ-lé-nà cũk, siồh ả sê Lò-mả cũk. Hiềng-si tiêng-â ô gáu-huá gì guók đũ ô guồng-hềng Lò-mả guók gì guók-lũk, Hĩ-lé-nà guók gì gĩ-ngiề lĩ-hỏk, liềng Iù-tái guók gì gáu-muòng. Cĩ sảng duai cũk cả sồng liềng-hảk sồng bồng-cảe, nả ĩ đũ sê sũk Lò-mả guók sũ guảng.

DẬ 8. ĩng Siông-Dạ hũng-biẻk ĩ-sáik-liẻk guók có Cê-gả sũ gềng-sồng gì báh-sảng, gó-chũ ĩ-sáik-liẻk nềng nả háng-dẻk nả lả ĩ-gáuk-nềng sê Siông-Dạ gì báh-sảng, gì-ừ bẻk guók gì báh-sảng đũ ng sê, ĩ ciòng-uảng siông sê duai đảng. Dồng ĩ-sáik-liẻk báh-sảng sêu niảh lợh Bả-bĩ-lùng sêu kũ, sêu Hĩ-lé-nà A-lảng uòng kỏ-ngiỏk, liềng lợh Lò-mả guók sêu hũ sả lũng-ũk si-haiu, ĩ-gáuk-nềng gì sảng cềng uồng ciỏh Siông-Dạ cài-nềng gì chiũ bộ-siù huảk ĩ gáuk-dềng gì siù-dĩk. ĩ luảng sũk Siềng-dĩ gì ệu-ngiòng lảung Mĩ-Suoi-A lĩ sié-gảng, cêu sê Iù-tái nềng háng đẻk Mĩ-Suoi-A lĩ đẻk-dẻk có ĩ-gáuk-nềng gì uòng, đũ-miẻk ĩ gì siù-dĩk, dái-liảng ĩ-gáuk-nềng pảh iàng tiêng-â uảng-guók. Gó-chũ ĩ-gáuk-nềng lợh độ-lĩ lả cềng biềng lềng-dảng kỏ, gềng-giềng gì sảng ciềng-ciềng

biéng mò kó, nâ ciöng-sĭng gōng-giù nguôi-miêng gì ngì-ùng, liéng siū ék-chiék gô gì giě-gū, ciā độ-dáik gì gĕng-hũ gĕng-iòng liū huông kó. Gì-dŭng iâ ô gūi ciáh giéng-sĭng gì nĕng, cĕu chiông Mā-lé-ā, Iók-sáik, Sák-gă-lé-ā, Ī-lé-să-báik, Să-miêng, Ā-nā, Nā-dáng-ngiĕk, Nà-gỗ-dĩ-mū, cĭ siōh bōng gó ậ sáung sê Siông-Dạ sū gĕng-sōng gì Ī-sáik-liĕk nĕng. (Lg. 1: 74, 75.)

Dậ 9. Iù-tái guók sê diōh tiĕng-â ô gáu-huá gì guók dâi-dōng, chă-bók-dỗ gáuk chĕu lài-uōng gì nĕng, iù sả gáu dĕng, dũ diōh iù hũ-uái gĭng-guó, gó-chũ lōh hũ-uái piéng-diòng Hók-ĭng lōh gáuk chĕu sê dĭng hăk-ngì. Dōng-sì Iù-tái guók báh-sáng sáng lōh gáuk chĕu, iâ ô diòng Ià-lô-sák-lĕng, cĭ siōh bōng gì nĕng, chiông Sĕu-dù Hĕng-diòng gì cũ sū gōng, cĕng hăk-ngì cộ diòng Hók-ĭng nĕng bộ-diòng hō gì séng-sék kĕuk tiĕng-â gì nĕng tiăng.

DẬ II DẬUNG

Lâung Sé Hók-ĭng.

Dậ 10. Tàu Săng Buōng Hók-ĭng Cũ Gì Lài-lĭk. Ià-Sũ sĭng tiĕng ĩ-hâu, Ī siōh-siĕ-nĕng sū cộ gì dâi, liéng Ī gì gáu-hóng, muôi cĕu gé lōh cũ lă. Gáu Sĕu-dù diòng độ sĭ-hâu, iâ muôi gé lōh cũ lă, ĩng ĩ-gáuk-nĕng nâ ệung chói diòng Ià-Sũ gì độ-lĭ, gó-chũ Sĕu-dù mò siĕ-nộh é-sĕu lōh siā cũ gì dâi. Hâu gáu-huôi ciĕng-ciĕng puō-piéng lōh ô sả ôi-chĕu, Sĕu-dù dŭng-găng iâ ô guó-siĕ kó, ĩ-gáuk-nĕng ciáh giéng-gáek siā cũ gì dâi sê dĭng iĕu-gĭng, ĩ-dé hâu-lài Séng-dù tĕk ciā cũ cĕu ậ cộ dék Hók-ĭng gì bĭng-gĕu. Kĭ-sĕng Sĕu-dù nâ hĕk sĭng lă sū ậ gé-dĕk gì dâi siòng-siòng gōng siók, siōh-iòng siōh-iòng gì dâi dũ kĕuk ĩ gé sĭk, mậ gáu chăng-chă. Hâu Sĕu-dù hĕk sê bĕk nĕng ciĕng-ciĕng cĕu ciöng cĭ sả dâi siā lōh siàng lă cũ. Cĭ săng buōng Hók-ĭng cũ bâu-hàng Sĕu-dù sū gōng hĕk sê sū siā lâung Ià-Sũ gì dâi. Lô-gă hĕk-chiā muôi ệung bĕk nĕng sū siā lâung Ià-Sũ gì dâi, iâ ék-dĕng ậ hiĕu-dĕk hũ-diĕ sū gé gì é-sĕu.

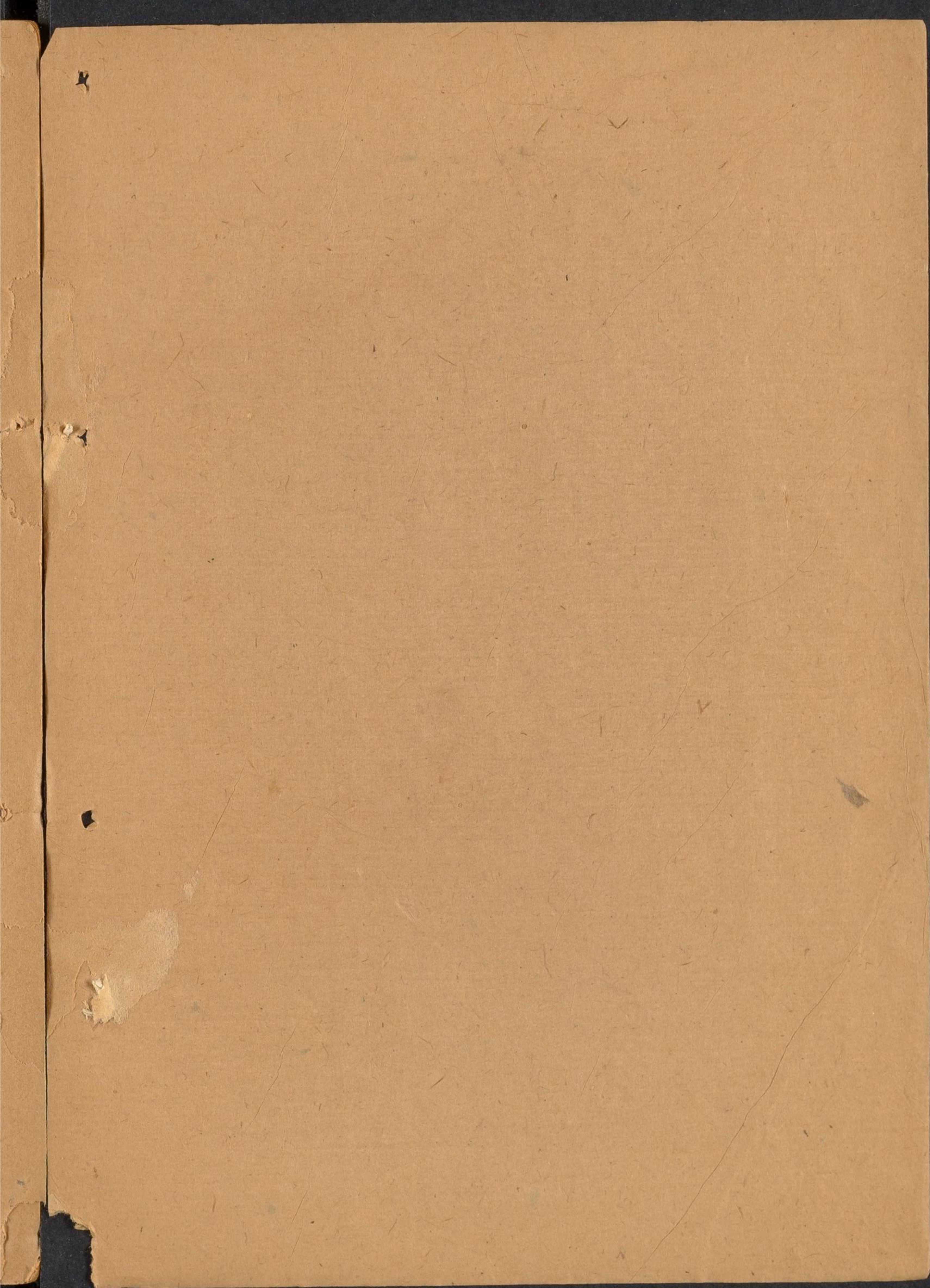
Dậ 11. Mā-tái Hók-ĭng Cũ. Mā-tái Hók-ĭng cũ hĕk-chiā sê dōng Ciō gáung-sĕng hâu lĕk sĕk siông niĕng, Ià-lô-sák-lĕng muôi miĕk uòng gì sĭ-hâu, siā gì. Cĭ siōh buōng gì Hók-ĭng cũ hĕk-chiā sê tá séng Ciō gì Iù-tái nĕng siā gì, biĕu-mĭng Ià-Sũ sê Mĭ-Suói-Ā Uòng, éng-ngiĕng Siĕng-dĩ gì ệu-ngiòng.

Dậ 12. Mā-kō Hók-ĭng Cũ. Mā-kō Hók-ĭng cũ sê ĩng-ôi bĕk-guók nĕng siā gì. Siā ciā cũ gì ôi-chĕu hĕk-chiā sê diōh Lò-mă dĕ-gái ĩ-nội, hĕk sê ĩ-nguôi. Cĭ siōh buōng gì cũ lōh sé Hók-ĭng

dững-găng ậ sáung sê dậ ék cā gì, ciā cữ hũ-diē ô lāung Bĩ-dáik sū gōng gì uā, ĭng Mā-kō dōng-sì ô gāeng ĩ siōh dōi diòng dộ. Siā cĩ siōh buōng cữ gì buōng-é cêu sê ọi nệng chĩng séng Gĩ-Dók, ĭng ciā cữ ô biēu-mìng Ià-Sũ sê Siōng-Dá Cũ, ĩ sū gōng gì uā liềng sū có gì dāi dũ ô guòng-báng.

Dậ 13. Lô-gã Hók-ĭng Cũ. Lô-gã sê gāeng Bō-lộ siōh dōi diòng dộ, ĩ cữ lậ sū siā gì uā, siōh duāi buáng sê gāeng Bō-lộ gì gáu-hóng sōng-hăk. Siā ciā cữ gì nệng hếk-chiā sê dōng Ià-lô-sák-lēng sêu miếk ĩ-hāiu, tậ ĩ buōng hiōng Hĩ-lé-nậ nệng siā gì. Ciā cữ sê sé Hók-ĭng dững-găng dậ ék dōng iā sê cái dậ ék sậ gì dāi. Ciā cữ gì buōng-é cêu sê ọi gé mìng cĩ sậ lāung Ià-Sũ gì dāi. (Lg. 1: 1—4.) Gũ-cā ô gōng-géu Sếng-gĩng gì nệng gōng, ciā cữ gì ùng-huák cēng kộ chĩng-chũ, gì dững sū lāung gì lĩ bô cēng ô nộh gá nệng gãi-dōng ciōng-iōng có nệng.

Dậ 14. Iók-hāng Hók-ĭng cữ. Iók-hāng Hók-ĭng cữ hộ chiōng sê diōh Ià-Sũ gáung-sếng tàu siōh ciũ gì muōi sếk niềng dững-găng siā gì, (siōh ciũ cêu sê siōh báh niềng). Ciā cữ sū cái dāi-liők sê ciōng bẻk buōng Hók-ĭng cữ sū muōi lāung gì buō gé kĩ lĩ, bìnng nệng sū liù-diòng gì uā, sê ciếu siēu Ā-sậ-ā gì muòng-sếng sū chiāng ĩ siā gì. Siā ciā cữ gì buōng-é cêu sê ọi nệng ậ hiēu-dék Ià-Sũ sê Siōng-Dá gì Giāng, nguāi-gáuk-nệng iù ĩ lậ ậ dáik ĩng-sếng. Iā ô gé Ià-Sũ có sié-găng gì Guōng, sếng-mēng gì Biāng, cĩ sậ ìng-iēu gì biếk-hộ. Bẻk buōng gì Hók-ĭng cữ sê gé-cái Ià-Sũ sū hềng gì sìnng-cék, liềng ĩ sū gōng gì bĩ-ệu, nậ Iók-hāng gé Ià-Sũ muōi siōh lậ-bái sū gá ĩ muòng-sếng gì uā, biēu-mìng Ià-Sũ sōng gấu gì sìnng, bōng-cậ nù nệng gáing ậ hiēu-dék chĩng-gệung Ià-Sũ.



HARVARD-YENCHING LIBRARY
HARVARD UNIVERSITY
2 DIVINITY AVENUE
CAMBRIDGE, MASS. 02138